

UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 271/QĐ-ĐHHL ngày 30 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư)*

Tên chương trình: Sư phạm Lịch sử - Địa lí

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Sư phạm Lịch sử - Địa lí

Loại hình đào tạo: Chính quy

Ninh Bình, 2022

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	
DANH MỤC BẢNG	
1. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	1
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo	1
1.2. Thông tin chung.....	1
2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	2
2.1. Triết lý giáo dục của trường Đại học Hoa Lư.....	2
2.2. Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa Sư phạm Trung học	5
2.3. Mục tiêu của chương trình đào tạo	6
3. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	6
4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP.....	13
5. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	13
5.1. Các chương trình được lựa chọn đối sánh	13
5.2. Tiêu chí đối sánh.....	13
5.3. Nội dung đối sánh các Chương trình đào tạo	14
5.4. Kết quả đối sánh	16
6. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	16
6.1. Cấu trúc chương trình đào tạo	16
6.2. Danh sách học phần.....	17
6.3. Phân nhiệm giữa các học phần và Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo	20
6.4. Kế hoạch dạy học	25
6.5. Chiến lược giảng dạy – học tập	28
6.6. Chiến lược và phương pháp đánh giá	30
6.7. Sơ đồ tiến trình đào tạo.....	41
7. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN	43
7.1. Triết học Mác - Lê nin.....	43
7.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin	43
7.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	44
7.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh.....	44
7.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.....	45
7.6. Pháp luật đại cương, Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành giáo dục - đào tạo	46
7.7. Dân tộc học đại cương.....	46
7.8. Xã hội học đại cương.....	47
7.9. Tiếng Anh 1	47
7.10. Tiếng Anh 2	48
7.11. Tiếng Anh 3	48
7.12. Tin học đại cương	49
7.13. Giáo dục thể chất 1*: Thực hiện theo Quy định hiện hành của nhà Trường.....	49
7.14. Giáo dục thể chất 2*: Thực hiện theo Quy định hiện hành của nhà Trường.....	49

7.15. Giáo dục thể chất 3*: Thực hiện theo Quy định hiện hành của nhà Trường.....	49
7.16. Giáo dục Quốc phòng	49
7.17. Cơ sở văn hóa Việt Nam.....	49
7.18. Logic học đại cương	50
7.19. Khảo cổ học và nhập môn Lịch sử - Địa lí.....	50
7.20. Bản đồ học	51
7.21. Lịch sử văn minh thế giới	51
7.22. Lịch sử thế giới cổ - trung đại	52
7.23. Lịch sử thế giới cận đại	52
7.24. Lịch sử thế giới hiện đại	53
7.25. Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	53
7.26. Lịch sử Việt Nam cận đại	54
7.27. Lịch sử Việt Nam hiện đại.....	54
7.28. Các nền văn minh trên đất nước Việt Nam	55
7.29. Địa lý tự nhiên đại cương	55
7.30. Địa lý kinh tế - xã hội đại cương	56
7.31. Địa lí các châu lục 1	56
7.32. Địa lí các châu lục 2	57
7.33. Địa lý tự nhiên Việt Nam	57
7.34. Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam	58
7.35. Địa lý biển Đông và biển đảo Việt Nam	59
7.36. Thực địa.....	59
7.37. Lịch sử và địa lí địa phương	60
7.38. Thực tế chuyên môn	60
7.39. Đô thị: Lịch sử và hiện tại	61
7.40. Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Lịch sử - Địa lí	61
7.41. Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam.....	62
7.42. Làng xã Việt Nam.....	62
7.43. Phong trào giải phóng dân tộc thế kỷ XX	62
7.44. Quan hệ quốc tế từ 1945 đến nay	63
7.45 Cải cách, duy tân và đổi mới trong lịch sử Việt Nam	63
7.46. Địa chất.....	64
7.47. Giáo dục môi trường.....	64
7.48. Dân số học	65
7.49. Tâm lý học	65
7.50. Giáo dục học 1	66
7.51. Giáo dục học 2	66
7.52. Lý luận và phương pháp dạy học Địa lí	67
7.53. Lý luận và Phương pháp dạy học Lịch sử	67
7.54. Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử - Địa lí.....	68
7.55. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử - Địa lí.....	68
7.56. Kiểm tra - đánh giá trong dạy học Lịch sử - Địa lí.....	69
7.57. Dạy học phát triển năng lực môn Lịch sử và Địa lí ở Trung học cơ sở.....	69
7.58. Dạy học tích hợp môn Lịch sử và Địa lí ở Trung học cơ sở	70

7.59. Giao tiếp sư phạm.....	70
7.60. Thực hành sư phạm thường xuyên 1	71
7.61. Thực hành sư phạm thường xuyên 2	71
7.62. Thực tập sư phạm 1	72
7.63. Thực tập sư phạm 2	73
8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH	74
8.1. Cơ sở điều chỉnh, cập nhật Chương trình đào tạo:	74
8.2. Định hướng sinh viên hoàn thành chương trình:	74
8.3. Trách nhiệm của các bên liên quan:	75
PHỤ LỤC 1. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN.....	76
PHỤ LỤC 2. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO	84
2.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, giáo trình	84
2.2. Danh mục sách, bài giảng, giáo trình của ngành đào tạo	85

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

TT	Viết tắt	Chi tiết
1	CĐR	Chuẩn đầu ra
2	CTĐT	Chương trình đào tạo
3	CNTT	Công nghệ thông tin
4	GV	Giảng viên
	GVC	Giảng viên chính
5	KT	Kiến thức
7	KN	Kỹ năng
8	SV	Sinh viên
9	THCS	Trung học cơ sở
10	THPT	Trung học phổ thông
11	TCTN	Tự chủ trách nhiệm
12	TĐNL	Thang đo năng lực
13	TC	Tín chỉ
14	DHLS - ĐL	Dạy học Lịch sử - Địa lí
15	UDCNTT	Ứng dụng công nghệ thông tin
16	LL& PDH	Lý luận và phương pháp dạy học
17	Nxb	Nhà xuất bản
18	ĐHSP	Đại học Sư phạm
19	ĐHQG	Đại học Quốc gia

DANH MỤC BẢNG

TT	Tên bảng	Trang
1	Bảng 1. Thông tin chung về CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lí	1
2	Bảng 2. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Hoa Lư được chuyển tải vào chương trình đào tạo	2
3	Bảng 3. Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo	6
4	Bảng 4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	7
5	Bảng 5. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	9
6	Bảng 6. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo với khung trình độ quốc gia	10
7	Bảng 7. Chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học	10
8	Bảng 8. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo với Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông	11
9	Bảng 9 . Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.	11
10	Bảng 10. Bảng Đối sánh khung CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lí, Trường Đại học Hoa Lư với một số trường Đại học khác	14
11	Bảng 11. Tỷ lệ các học phần thực hành, rèn nghề, học phần tự chọn của chương trình đào tạo	15
12	Bảng 12 . Mối quan hệ giữa các khối học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT	16
13	Bảng 13. Danh sách học phần trong chương trình đào tạo	17
14	Bảng 14. Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR của CTĐT	21
15	Bảng 15. Kế hoạch dạy học	25
16	Bảng 16. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp dạy - học	30
17	Bảng 17. Quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	32
18	Bảng 18. Nội dung ký hiệu dùng trong kế hoạch giảng dạy	41
19	Bảng 19. Sơ đồ tiến trình đào tạo	42

1. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lí thuộc khoa Sư phạm Trung học trường Đại học Hoa Lư xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo giáo viên giảng dạy môn Lịch sử - Địa lí trong chương trình giáo dục phổ thông 2018. Chương trình đào tạo trình độ Đại học ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lí được Bộ giáo dục và Đào tạo cấp phép theo Quyết định số 1200/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2021, trường Đại học Hoa Lư bắt đầu tổ chức tuyển sinh từ năm học 2021 - 2022.

Năm 2022, thực hiện kế hoạch số 164/KH – ĐHHL, ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư về xây dựng và phát triển chương trình đào tạo, Chương trình đào tạo Sư phạm Lịch sử - Địa lí tiếp tục được cập nhật, bổ sung và chỉnh sửa nhằm đáp ứng các yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện trong giáo dục và đào tạo. Chương trình đào tạo ngành Sư phạm ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lí được xây dựng gồm 135/151 tín chỉ, thời gian đào tạo là 4 năm, gồm khối kiến thức giáo dục đại cương (31 tín chỉ) và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (104 tín chỉ). Trong đó, các học phần bắt buộc và tự chọn được xây dựng, sắp xếp theo tiến trình khoa học để đảm bảo trong 4 năm sinh viên được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp. Số tín chỉ thực hành là 38.5/135 tín chỉ, chiếm 28.5 % số tín chỉ của CTĐT (chưa tính số giờ thảo luận, thực hành của các học phần chưa đủ tín chỉ thực hành).

Chương trình đã chú trọng kết hợp giữa quá trình học lý thuyết với thực hành, thực tế; giữa tự học, tự nghiên cứu với học trải nghiệm, dự án, nhóm,... nhằm nâng cao năng lực tự nghiên cứu, chiếm lĩnh tri thức một cách chủ động của sinh viên. Chương trình được xây dựng với mục tiêu trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng để sau khi tốt nghiệp, người học có thể thực hiện tốt công việc chuyên môn, đồng thời có thể học lên bậc học cao hơn với các ngành khác như Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Địa lí.

1.2. Thông tin chung

Bảng 1. Thông tin chung về chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lí

1	Tên ngành đào tạo	Tên tiếng Việt: Sư phạm Lịch sử - Địa lí Tên tiếng Anh: History - Geography Education
2	Mã ngành đào tạo	7140249
3	Trình độ đào tạo	Đại học
4	Thời gian đào tạo	04 năm
5	Tên văn bằng sau tốt nghiệp	Tiếng Việt: Cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lí Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in History - Geography Education
6	Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo	Khoa Khoa Sư phạm Trung học
7	Đơn vị cấp bằng	Trường Đại học Hoa Lư
8	Hình thức đào tạo	Chính quy
9	Ngôn ngữ sử dụng	Tiếng Việt

10	Thông tin tuyển sinh	+ Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh trên cả nước có đủ các điều kiện được tham gia tuyển sinh đại học theo quy định tại Quy chế tuyển sinh hiện hành. + Phương thức tuyển sinh: Theo đề án tuyển sinh của Trường Đại học Hoa Lư công bố hàng năm, bao gồm: xét tuyển thẳng theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD & ĐT, xét kết quả thi tốt nghiệp THPT quốc gia, xét học bạ và phương án tuyển sinh khác (nếu có).
11	Chuẩn đầu vào	+ Đã tốt nghiệp THPT hoặc trình độ tương đương. + Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của trường Đại học Hoa Lư. + Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.
12	Điều kiện tốt nghiệp	+ Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. + Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên. + Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Triết lý giáo dục của trường Đại học Hoa Lư

Triết lý giáo dục của trường Đại học Hoa Lư là Toàn diện, Sáng tạo, Nhân văn, được chuyển tải một cách cụ thể vào chương trình đào tạo và được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Hoa Lư được chuyển tải vào chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành SP Lịch sử - Địa lí			Triết lý giáo dục của Trường ĐHHL		
			Toàn diện	Sáng tạo	Nhân văn
Kiến thức trong chương trình đào tạo	Kiến thức giáo dục đại cương	* Bắt buộc			
		<i>Khoa học chính trị và pháp luật</i>			
		Triết học Mác- Lênin	X		X
		Kinh tế chính trị Mác - Lênin	X		X
		Chủ nghĩa xã hội khoa học	X		X
		Tư tưởng Hồ Chí Minh	X		X
		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X		X
		<i>Khoa học xã hội - nhân văn</i>			
		Dân tộc học đại cương	X		X
		Xã hội học đại cương	X		X
		<i>Ngoại ngữ, công nghệ thông tin</i>			

		Tiếng Anh 1	X		
		Tiếng Anh 2	X		
		Tiếng Anh 3	X		
		Tin học đại cương	X		
		<i>Giáo dục thể chất*</i>			
		Giáo dục thể chất 1*	X		
		Giáo dục thể chất 2*	X		
		Giáo dục thể chất 3*	X		
		<i>Giáo dục Quốc phòng và An ninh*</i>	X		
		* Tự chọn 1			
		Cơ sở văn hóa Việt Nam	X		X
		Lôgic học đại cương	X		
	Kiến thức cơ sở ngành	Nhập môn sử học và khảo cổ học	X	X	X
		Lịch sử văn minh thế giới	X	X	X
		Bản đồ học	X	X	
	Kiến thức ngành	Bắt buộc			
		Lịch sử thế giới cổ - trung đại	X	X	X
		Lịch sử thế giới cận đại	X	X	X
		Lịch sử thế giới hiện đại	X	X	X
		Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	X	X	X
		Lịch sử Việt Nam cận đại	X	X	X
		Lịch sử Việt Nam hiện đại	X	X	X
		Các nền văn minh trên đất nước Việt Nam	X	X	X
		Địa lý tự nhiên đại cương	X	X	X
		Địa lý kinh tế - xã hội đại cương	X	X	X
		Địa lý các châu lục 1	X	X	X
		Địa lý các châu lục 2	X	X	X
		Địa lý tự nhiên Việt Nam	X	X	X
		Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam	X	X	X
		Địa lý biển Đông và biển đảo Việt Nam	X	X	X
		Thực địa	X	X	X
		Lịch sử và địa lí địa phương	X	X	X
		Thực tế chuyên môn	X	X	X
		Đô thị: Lịch sử và hiện tại	X	X	X
		Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Lịch sử - Địa lí	X	X	X
		Tự chọn 2			
		Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam	X	X	X
		Làng xã Việt Nam	X	X	X
		Phong trào giải phóng dân tộc thế kỷ XX	X	X	X

		Quan hệ quốc tế từ 1945 đến nay	X	X	X
		Cải cách, duy tân, đổi mới trong lịch sử Việt Nam	X	X	X
		Tự chọn 3			
		Địa chất	X	X	X
		Giáo dục môi trường	X	X	X
		Dân số học			
	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm	Bắt buộc			
		Tâm lí học	X	X	X
		Giáo dục học 1	X	X	X
		Giáo dục học 2	X	X	X
		Lí luận và phương pháp dạy học Địa lí	X	X	X
		Lí luận và phương pháp dạy học Lịch sử	X	X	X
		Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử - Địa lí	X	X	X
		Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử - Địa lí	X	X	X
		Kiểm tra - đánh giá trong dạy học Lịch sử - Địa lí	X	X	X
		Tự chọn 4			
		Dạy học phát triển năng lực môn Lịch sử và Địa lí ở THCS	X	X	X
		Dạy học tích hợp môn Lịch sử và Địa lí ở THCS	X	X	X
		Giao tiếp sư phạm	X	X	X
	Thực hành, thực tập và tốt nghiệp	- Thực hành sư phạm thường xuyên - Thực tập sư phạm	X	X	X
		Khóa luận tốt nghiệp/ Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	X	X	X
Hoạt động ngoại khóa	Thanh niên tình nguyện			X	X
	Hiến máu nhân đạo				X
	Tiếp sức mùa thi				X
	Hoạt động từ thiện: tặng quà gia đình chính sách, HS nghèo vượt khó, trung tâm bảo trợ xã hội; học sinh vùng cao...				X
	Học võ, khiêu vũ...		X	X	X
	Giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao			X	X
	Tham gia các câu lạc bộ (cầu lông, bóng đá...)...			X	X

Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)	PLO1.1	Áp dụng được kiến thức cơ bản của khoa học chính trị và pháp luật, khoa học công nghệ, khoa học xã hội - nhân văn trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.	x	x	x
	PLO1.2	Tổng hợp được các kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành Lịch sử, Địa lí vào dạy học ở Trung học cơ sở.	x	x	x
	PLO1.3	Phân tích được kiến thức về Tâm lí học, Giáo dục học trong công việc giảng dạy và giáo dục cho học sinh.	x	x	x
	PLO1.4	Phân tích được kiến thức về lý luận và phương pháp dạy học để xây dựng kế hoạch dạy học và phát triển chương trình môn Lịch sử và Địa lí ở Trung học cơ sở.	x	x	x
	PLO1.5	Vận dụng được kiến thức về kiểm tra đánh giá để xây dựng kế hoạch và thực hiện kiểm tra đánh giá trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở Trung học cơ sở.	x	x	x
	PLO2.1	Sử dụng được ngoại ngữ và công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp.	x	x	
	PLO2.2	Thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục, dạy học, kiểm tra đánh giá, trải nghiệm trong dạy học Lịch sử và Địa lí theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.	x	x	x
	PLO2.3	Thực hành và hướng dẫn thực hành trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở Trung học cơ sở.	x	x	x
	PLO2.4	Thể hiện được kỹ năng nghiên cứu, phát hiện và giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực lịch sử, địa lí và khoa học giáo dục.	x	x	x
	PLO2.5	Thể hiện được kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và giao tiếp trong hoạt động nghề nghiệp.	x	x	x
	PLO3.1	Thích ứng được với môi trường học tập và làm việc thay đổi. Thể hiện ý thức và năng lực tự học tập, bồi dưỡng.	x	x	x
	PLO3.2	Thể hiện ý thức tổ chức kỉ luật và tinh thần trách nhiệm trong học tập, cuộc sống và thực tiễn nghề nghiệp.	x	x	x

2.2. Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa Sư phạm Trung học

Tầm nhìn

Khoa Sư phạm Trung học phần đầu trở thành đơn vị có uy tín cao trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và nghiên cứu khoa học ở các lĩnh vực Toán học, Văn học, Khoa học tự nhiên (Vật lý, Hóa học, Sinh học) và Khoa học xã hội (Lịch sử, Địa lí).

Sứ mạng

Khoa Sư phạm Trung học là đơn vị đào tạo giáo viên trung học; tổ chức nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực Toán học, Văn học, Khoa học tự nhiên (Vật lý, Hóa học, Sinh học) và Khoa học xã hội (Lịch sử, Địa lí), phục vụ nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng của tỉnh và cả nước.

2.3. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành sư phạm Lịch sử - Địa lí có phẩm chất, đạo đức của nhà giáo; có năng lực thiết kế, tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục, phát triển chương trình môn Lịch sử và Địa lí ở trường Trung học cơ sở theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; có năng lực tự học, tự bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và đổi mới, sáng tạo để phát triển bản thân, thích ứng được với yêu cầu công việc chuyên môn trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông và hội nhập quốc tế.

2.3.2. Mục tiêu cụ thể

Bảng 3. Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo

Nội dung	Ký hiệu	Mục tiêu cụ thể
Về kiến thức	PO1	Có kiến thức cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học công nghệ, khoa học xã hội - nhân văn để áp dụng trong cuộc sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp.
	PO2	Có kiến thức cơ bản về khoa học giáo dục, kiến thức chuyên sâu về lịch sử, địa lí để áp dụng trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở trường Trung học cơ sở và các công việc có liên quan.
Về kỹ năng	PO3	Có khả năng vận dụng được kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp để thiết kế, tổ chức các hoạt động giáo dục, dạy học và phát triển chương trình môn Lịch sử và Địa lí ở trường Trung học cơ sở.
	PO4	Có kỹ năng mềm, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.
Về mức tự chủ và trách nhiệm	PO5	Có năng lực tự chủ và trách nhiệm trong thực hiện công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực giáo dục và dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở trường Trung học cơ sở.

3. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bảng 4. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra	Mô tả Chuẩn đầu ra	Mức năng lực
Kiến thức		
PLO1.1	Áp dụng được kiến thức cơ bản của khoa học chính trị và pháp luật, khoa học công nghệ , khoa học xã hội - nhân văn trong hoạt động nghề nghiệp và cuộc sống.	K3
PI 1.1.1	Vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học công nghệ trong hoạt động nghề nghiệp và thực tiễn.	K3
PI 1.1.2	Liên hệ được kiến thức khoa học xã hội - nhân văn trong động nghề nghiệp và cuộc sống.	K3
PLO1.2	Tổng hợp được các kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành Lịch sử, Địa lí vào dạy học ở trường Trung học cơ sở.	K4
PI 1.2.1	Tổng hợp được các kiến thức địa lí vào dạy học phân môn Địa lí ở trường Trung học cơ sở.	K4
PI 1.2.2	Phân tích được các kiến thức lịch sử vào dạy học phân môn Lịch sử ở trường Trung học cơ sở.	K4
PI 1.2.3	Lựa chọn được các kiến thức lịch sử, địa lí vào dạy học các chủ đề chung của môn Lịch sử và Địa lí ở trường Trung học cơ sở.	K4
PLO1.3	Vận dụng được kiến thức về tâm lí học, giáo dục học trong dạy học và giáo dục học sinh ở trường Trung học cơ sở	K3
PI 1.3.1	Áp dụng được kiến thức tâm lí học trong hoạt động dạy học và giáo dục học sinh ở trường Trung học cơ sở.	K3
PI 1.3.2	Sử dụng được kiến thức giáo dục học trong xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học, giáo dục ở trường Trung học cơ sở.	K3
PLO1.4	Phân tích được kiến thức về lý luận và phương pháp dạy học để xây dựng kế hoạch dạy học và phát triển chương trình môn Lịch sử và Địa lí ở trường Trung học cơ sở.	K4
PI.1.4.1	Xác định được hệ thống các phương pháp dạy học lịch sử ở trường Trung học cơ sở theo hướng phát triển năng lực	K4
PI 1.4.2	Lựa chọn các kiến thức về lý luận và phương pháp dạy học để xây dựng được kế hoạch dạy học và phát triển chương trình môn Lịch sử và Địa lí ở trường Trung học cơ sở theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh	K4
PLO1.5	Vận dụng được kiến thức về kiểm tra đánh giá để xây dựng kế hoạch và thực hiện kiểm tra đánh giá trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở trường Trung học cơ sở.	K3

PI1.5.1	Chỉ ra được các được phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá phù hợp với chủ đề/bài học trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở trường Trung học cơ sở.	K3
PI1.5.2	Hệ thống hóa được kiến thức về kiểm tra đánh giá để xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá phẩm chất, năng lực học sinh trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở trường Trung học cơ sở.	K3
Kỹ năng		
PLO2.1	Sử dụng được ngoại ngữ và công nghệ thông tin trong hoạt động nghề nghiệp	S3
PI2.1.1	Đạt trình độ tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	S3
PI2.1.2	Đạt trình độ công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được một số phần mềm tin học hỗ trợ trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở trường Trung học cơ sở.	S3
PLO2.2	Thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục, dạy học, kiểm tra đánh giá, trải nghiệm trong dạy học Lịch sử và Địa lí theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.	S4
PI2.2.1	Thiết kế và tổ chức được các hoạt động giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.	S3
PI2.2.2	Thiết kế và tổ chức được các hoạt động dạy học môn Lịch sử và Địa lí theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.	S4
PI2.2.3	Xây dựng và triển khai được hoạt động kiểm tra đánh giá trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí theo hướng phát triển phẩm chất năng lực học sinh.	S3
PI2.2.4	Lập kế hoạch và thực hiện được các hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở trường Trung học cơ sở.	S3
PLO2.3	Thực hành và hướng dẫn thực hành trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở trường Trung học cơ sở.	S4
PI2.3.1	Thiết lập được đồ dùng trực quan trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí.	S3
PI2.3.2	Khai thác được đồ dùng trực quan trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí.	S4
PI2.3.3	Quan sát và giải thích được các hiện tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội và dân cư trong thực tiễn.	S4
PLO2.4	Thể hiện được kỹ năng nghiên cứu, phát hiện và giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực lịch sử, địa lí và khoa học giáo dục.	S3
PI2.4.1	Phát hiện được vấn đề nghiên cứu thuộc lĩnh vực lịch sử, địa lí và khoa học giáo dục.	S2

PI2.4.2	Triển khai nghiên cứu và vận dụng được kết quả nghiên cứu trong thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống.	S3
PLO2.5	Thực hiện được kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và giao tiếp trong hoạt động nghề nghiệp.	S3
PI2.5.1	Xây dựng được kế hoạch và triển khai được các nhiệm vụ của nhóm trong hoạt động nghề nghiệp.	S3
P2.5.2	Thực hiện được kỹ năng thuyết trình và giao tiếp hiệu quả trong hoạt động nghề nghiệp.	S3
Mức tự chủ và trách nhiệm		
PLO3.1	Thích ứng được với môi trường học tập và làm việc thay đổi. Thể hiện ý thức và năng lực tự học tập, bồi dưỡng.	A4
PI3.1.1	Làm chủ và quản lý được bản thân trong học tập và nghề nghiệp.	A3
PI3.1.2	Thể hiện được khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	A4
PLO3.2	Thể hiện ý thức tổ chức kỉ luật và tinh thần trách nhiệm trong học tập, cuộc sống và thực tiễn nghề nghiệp.	A4
PI3.2.1	Thực hiện nghiêm túc các quy định về đạo đức nghề nghiệp.	A4
PI3.2.2	Ứng xử chuyên nghiệp, công bằng trong đánh giá học sinh và thực hiện trách nhiệm xã hội.	A4

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá/Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thục/Chính xác; S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;

Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị; A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973).

Bảng 5. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu của CTĐT (POs)	Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo (PLOs)											
	1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2
PO1	x											
PO2		x	x	x	x							
PO3							x	x				
PO4						x			x	x	x	
PO5											x	x

Bảng 6. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra CTĐT với Khung trình độ quốc gia

Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)	Kiến thức					Kĩ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
PLO1.1		x													
PLO1.2	x														
PLO1.3	x														
PLO1.4				x	x										
PLO1.5				x	x										
PLO2.1			x								x				
PLO2.2							x		x				x		
PLO2.3							x		x				x		
PLO2.4							x	x						x	
PLO2.5						x				x		x			
PLO3.1												x			
PLO3.2															x

Chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học

(Trích từ Bảng mô tả Khung trình độ Quốc gia Việt Nam,

kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Bảng 7. Chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.	KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.	TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.	KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.	TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.

KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.	KN3: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.	TCTN3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.	KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	TCTN4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.
KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.	
	KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	

Bảng 8 . Quan hệ giữa chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo với Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông

	TC1	TC2	TC3	TC4	TC5	TC6	TC7	TC8	TC9	TC10	TC11	TC12	TC13	TC14	TC15
PLO1.1	x	x						x	x	x			x		x
PLO1.2			x	x	x	x									
PLO1.3					x		x			x	x	x	x		
PLO1.4				x	x	x									
PLO1.5						x	x								
PLO2.1														x	x
PLO2.2				x	x	x						x			
PLO2.3			x	x											
PLO2.4			x												
PLO2.5		x	x												
PLO3.1			x						x						
PLO3.2	x							x							

Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông được ban hành kèm theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo bao gồm 5 tiêu chuẩn và 15 tiêu chí (TC).

Bảng 9 . Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mô tả tiêu chuẩn/Tiêu chí
Tiêu chuẩn 1	Phẩm chất nhà giáo: Tuân thủ các quy định và rèn luyện về đạo đức nhà giáo; chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ đồng nghiệp trong rèn luyện đạo đức và tạo dựng phong cách nhà giáo.
Tiêu chí 1	Đạo đức nhà giáo
Tiêu chí 2	Phong cách nhà giáo
Tiêu chuẩn 2	Phát triển chuyên môn nghiệp vụ: Nắm vững chuyên môn và thành thạo nghiệp vụ; thường xuyên cập nhật, nâng cao năng lực chuyên môn và nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.
Tiêu chí 3	Phát triển chuyên môn bản thân
Tiêu chí 4	Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.
Tiêu chí 5	Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh
Tiêu chí 6	Kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh
Tiêu chí 7	Tư vấn và hỗ trợ học sinh
Tiêu chuẩn 3	Xây dựng môi trường giáo dục: Thực hiện xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh dân chủ, phòng, chống bạo lực học đường
Tiêu chí 8	Xây dựng văn hóa nhà trường
Tiêu chí 9	Thực hiện quyền dân chủ trong nhà trường
Tiêu chí 10	Thực hiện và xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường
Tiêu chuẩn 4	Phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội: Tham gia tổ chức và thực hiện các hoạt động phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình, xã hội trong dạy học, giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh
Tiêu chí 11	Tạo dựng mối quan hệ hợp tác với cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan
Tiêu chí 12	Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học cho học sinh
Tiêu chí 13	Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh
Tiêu chuẩn 5	Sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục: Sử dụng được ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng các thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục.

Tiêu chí 14	Sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc
Tiêu chí 15	Ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sinh viên tốt nghiệp ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lí có khả năng làm việc ở các vị trí công việc sau:

- Giảng dạy môn Lịch sử và Địa lí tại các trường THCS.
- Cán bộ quản lý hoặc chuyên viên ở các cơ sở giáo dục: trường phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, phòng giáo dục, Sở Giáo dục - Đào tạo.
- Cán bộ quản lý hoặc chuyên viên trong các cơ quan hành chính nhà nước, đoàn thể và tổ chức xã hội các cấp (Ban tuyên giáo, Sở Văn hóa - Du lịch, Mặt trận Tổ quốc....).
- Làm việc tại các khu di tích, bảo tàng lịch sử, nhà truyền thống.

5. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1. Các chương trình được lựa chọn đối sánh

- Chương trình đào tạo của ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lí của Trường Đại học Hoa Lư được đối sánh với chương trình đào tạo của các Trường Đại học khác cùng ngành làm cơ sở đánh giá, cải tiến, phát triển chương trình.

- Tính đến tháng 2 năm 2022, các cơ sở giáo dục Đại học được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép cho đào tạo Chương trình ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lí, hệ Đại học đáp ứng chương trình Giáo dục phổ thông 2018 còn hạn chế nên việc lựa chọn chương trình đào tạo của các trường Đại học để đối sánh dựa vào khu vực địa lí, ở cả 3 khu vực: miền Bắc, miền Trung và miền Nam.

- Chương trình của các trường Đại học được lựa chọn đối sánh cụ thể với chương trình của các trường đại học sau:

+ Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lí của Đại học Sài Gòn: <http://daotao.sgu.edu.vn/daihoc-caodang-chinhquy/chuong-trinh-dao-tao-chu-ki-2020-2024>

+ Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lí của Đại học Đà Nẵng: <https://ued.udn.vn/cong-khai/chuong-trinh-dao-tao/ban-mo-ta-chuong-trinh-dao-tao-39.html>

+ Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lí của Đại học Đồng Tháp DThU - Trường Đại học Đồng Tháp

+ Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lí: Trường Đại học Giáo dục Cử nhân Sư phạm Lịch sử và Địa lý - Trường Đại học giáo dục (vnu.edu.vn)

5.2. Tiêu chí đối sánh

- Các chương trình cùng ngành đào tạo Sư phạm Lịch sử - Địa lí, cùng trình độ Đại học.

- Các trường có ngành được đem ra đối sánh phân bố đều ở cả ba khu vực:

+ Khu vực miền Bắc: Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.

- + Khu vực miền Trung: Đại học Đà Nẵng.
- + Khu vực miền Nam: Đại học Đồng Tháp, Đại học Sài Gòn.
- Việc lựa chọn chương trình để đối sánh đảm bảo vừa có trường ở trung tâm lớn (Hà Nội, Sài Gòn) vừa có trường địa phương (Đại học Đồng Tháp)

5.3. Nội dung đối sánh các Chương trình đào tạo

Bảng 10. Đối sánh khung CTĐT ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lí, Trường Đại học Hoa Lư với một số trường Đại học khác (Khối lượng kiến thức toàn khóa)

Tên Trường	Số TC tối thiểu/Tổng số TC	Khối kiến thức		Kiến thức		Tiếng Anh		Tin học		Ghi chú
		Giáo dục đại cương (TC)	Giáo dục chuyên nghiệp (TC)	Kiến thức bắt buộc (TC)	Kiến thức tự chọn (TC)	Tiếng Anh cơ bản (TC)	Tiếng Anh chuyên ngành (TC)	Tin học cơ bản (TC)	Tin ứng dụng trong dạy học Lịch sử - Địa lí (TC)	
Đại học Hoa Lư	135/151	31	104	125	10	8	0	3	2	
Đại học Sài Gòn	132/143	32	105	114	18	7	0	0	0	
Đại học Đồng Tháp	136/148	37	99	71	13	5	0	0	2	
Đại học Đà Nẵng	132/157	15	142	117	13	0	0	2	2	
ĐH Giáo dục, ĐH Quốc gia Hà Nội	139/159	38	87	71	16	8	0	3	2	

Bảng 11. Tỷ lệ các học phần thực hành, rèn nghề, học phần tự chọn của chương trình đào tạo

Trường	Kiến thức bắt buộc (tín chỉ)	Kiến thức tự chọn (tín chỉ)	Tín chỉ thực hành	Tín chỉ rèn nghề: THSPTX, thực tập (tín chỉ)	
Đại học Hoa Lư	127/135	8/135	21.5/127	17/127	Chưa tính GDQP và GDTC
Đại học Sài Gòn	125/135	7/135	4/125	11/125	
Đại học Đà Nẵng	117/132	15/132	54.5/117	11/117	
ĐH Giáo dục, ĐH Quốc gia Hà Nội *	123/139	16/139	41.6/139	09/139	

5.4. Kết quả đối sánh

- Kết quả đối sánh với các chương trình đào tạo cùng ngành của các Trường Đại học trong nước cho thấy số tín chỉ trong từng nhóm kiến thức phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Chương trình Khung giáo dục đại học trình độ Đại học khối ngành Sư Phạm (Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2006/QĐ-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo có độ mở, đối với chương trình đào tạo của hai trường là Đại học Đà Nẵng (132/157); Đại học Sài Gòn (132/143) trong khi 3 trường còn lại là Đại học Đồng Tháp (136/148); ĐH Giáo dục, ĐH Quốc gia HN (139/159); Đại học Hoa Lư (135/151).

- Tỷ lệ khối kiến thức giáo dục đại cương và Giáo dục chuyên nghiệp đảm bảo khoảng gần 30%, riêng trường Đại học Đà Nẵng khối kiến thức Giáo dục đại cương có tỷ lệ khoảng hơn 10% (15 tín chỉ).

- Tỷ lệ khối kiến thức bắt buộc và tự chọn khoảng trên 10%.

- Tỷ lệ số giờ lý thuyết và thực hành chưa được đối sánh cụ thể vì cách tính giờ hay tín chỉ khác nhau, số kiến thức lý thuyết và thực hành. Trường Đại học Hoa Lư có số giờ thảo luận, thực hành cao, chiếm khoảng hơn 28%. Số tín chỉ thực hành là 38.5/135 tín chỉ, chiếm 28.5 % số tín chỉ của CTĐT (chưa tính số giờ thảo luận, thực hành của các học phần chưa đủ tín chỉ thực hành).

- Chương trình của Trường Đại học Hoa Lư có số tín chỉ Tiếng Anh không chuyên 8TC nhưng không có học phần Tiếng Anh chuyên ngành, điều này thể hiện định hướng đào tạo riêng của Nhà trường trong xây dựng chương trình.

Nhìn chung, chương trình đào tạo Sư phạm Lịch sử - Địa lí của Trường Đại học Hoa Lư được xây dựng đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018, cập nhật với những đổi mới về nội dung và phương pháp dạy học ở trường Trung học cơ sở hiện nay. Nhiều học phần mới được đưa vào đáp ứng yêu cầu tích hợp bộ môn.

6. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

6.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Bảng 12 . Mối quan hệ giữa các khối học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT

Các khối học phần		Số TC	Tỷ lệ %	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo											
				1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2
Giáo dục đại cương	Chính trị, xã hội	20	14,8%	x									x	x	x
	Ngoại ngữ, tin học	11	8,1%	x					x				x		
Giáo dục chuyên nghiệp	Cơ sở ngành	7	5,2%		x						x	x	x	x	x
	Kiến thức ngành	54	40%		x	x	x	x			x	x	x	x	x
	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm	25	18,5%			x	x	x		x	x	x	x	x	x
	Thực hành, thực tập và khoá luận tốt nghiệp	18	13,3%			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Tổng		135	100%	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

6.2. Danh sách học phần

Bảng 13. Danh sách học phần trong chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	Tổng	Số giờ		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm/ Thảo luận	Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra đánh giá
1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG						
1.1. PHẦN BẮT BUỘC						
1.1.1		<i>Khoa học chính trị và pháp luật</i>	14			
1	010615001	Triết học Mác- Lênin	3(3,0)	45	0	105
2	010615002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2(2;0)	30	0	70
3	010615003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2(2;0)	30	0	70
4	010615004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2(1,5; 0,5)	22,5	15	61.5
5	010615005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2(2;0)	30	0	70
6	010615006	Pháp luật đại cương, Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành giáo dục đào tạo	3(3,0)	45	0	105
1.1.2		<i>Khoa học xã hội - nhân văn</i>	4			
7	010408001	Dân tộc học đại cương	2(2;0)	30	0	70
8	010204050	Xã hội học đại cương	2(2;0)	30	0	70
1.1.3		<i>Ngoại ngữ, công nghệ thông tin</i>	11			
9	010313001	Tiếng Anh 1	2(1;1)	15	30	55
10	010313002	Tiếng Anh 2	3(2;1)	30	30	90
11	010313003	Tiếng Anh 3	3(2;1)	30	30	90
12	010314001	Tin học đại cương	3(2;1)	30	30	90
1.1.4		<i>Giáo dục thể chất*</i>				
13	010116001	Giáo dục thể chất 1*	1(0;1)	0	45	5
14	010116002	Giáo dục thể chất 2*	1(0;1)	0	45	5
15	010116003	Giáo dục thể chất 3*	1(0;1)	0	45	5
1.1.5		<i>Giáo dục Quốc phòng</i>	165 tiết			
16		Giáo dục Quốc phòng và An ninh*	165 tiết			

1.2. PHẦN TỰ CHỌN: Tự chọn 1 (chọn 1 trong 2 học phần)			2			
17	010408021	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2(2;0)	30	0	70
18	010615012	Lôgic học đại cương	2(2;0)	30	0	70
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP						
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			7			
19	010204001	Khảo cổ học và nhập môn Lịch sử - Địa lí	2(2;0)	30	0	70
20	010204008	Bản đồ học	2(1;1)	15	30	55
21	010204042	Lịch sử văn minh thế giới	3(2;1)	30	30	105
2.2. Kiến thức ngành						
2.2.1.	PHẦN BẮT BUỘC		48			
22	010204002	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	3(3;0)	45	0	105
23	010204003	Lịch sử thế giới cận đại	3(3;0)	45	0	105
24	010204004	Lịch sử thế giới hiện đại	3(3;0)	45	0	105
25	010204005	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	3(2;1)	30	30	90
26	010204006	Lịch sử Việt Nam cận đại	3(2;1)	30	30	90
27	010204007	Lịch sử Việt Nam hiện đại	3(2;1)	30	30	90
28	010204022	Các nền văn minh trên đất nước Việt Nam	2(2;0)	30	0	70
29	010204009	Địa lý tự nhiên đại cương	4(4;0)	60	0	140
30	010204010	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương	3(3;0)	45	0	105
31	010204011	Địa lý các châu lục 1	3(3;0)	45	0	105
32	010204012	Địa lý các châu lục 2	3(3;0)	45	0	105
33	010204013	Địa lý tự nhiên Việt Nam	3(2;1)	30	30	90
34	010204014	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam	3(2;1)	30	30	90
35	010204015	Địa lý biển Đông và biển đảo Việt Nam	2(2;0)	30	0	70
36	010204019	Thực địa	1(0;1)	0	30	20
37	010204023	Lịch sử và địa lí địa phương	3(2;1)	30	30	90
38	010204024	Thực tế chuyên môn	1(0;1)	0	30	20
39	010204025	Đô thị: Lịch sử và hiện tại	2(2;0)	30	0	70
40	010204034	Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Lịch sử - Địa lí	2(1;1)	15	30	55
2.2.2. PHẦN TỰ CHỌN			6			
Tự chọn 2. 4 tín chỉ (chọn 2 trong 5 học phần)			4			

41	010204026	Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam	2(2;0)	30	0	70
42	010204027	Làng xã Việt Nam	2(2;0)	30	0	70
43	010204028	Phong trào giải phóng dân tộc thế kỷ XX	2(2;0)	30	0	70
44	010204029	Quan hệ quốc tế từ 1945 đến nay	2(2;0)	30	0	70
45	010204030	Cải cách, duy tân, đổi mới trong lịch sử Việt Nam	2(2;0)	30	0	70
Tự chọn 3. 2 tín chỉ (chọn 1 trong 3 học phần)			2			
46	010204016	Địa chất	2(2;0)	30	0	70
47	010204017	Giáo dục môi trường	2(2;0)	30	0	70
48	010204018	Dân số học	2(2;0)	30	0	70
2.3. Kiến thức nghiệp vụ sư phạm						
2.3.1. Bắt buộc			23			
49	010716018	Tâm lí học	4(4;0)	60	0	140
50	010716019	Giáo dục học 1	3(3;0)	45	0	105
51	010716020	Giáo dục học 2	2(1;1)	15	30	55
52	010204020	Lí luận và phương pháp dạy học Địa lí	3(2;1)	30	30	105
53	010204021	Lí luận và phương pháp dạy học Lịch sử	3(2;1)	30	30	105
54	010204031	Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử - Địa lí	2(1;1)	15	30	55
55	010204032	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử - Địa lí	2(1;1)	15	30	55
56	010204033	Kiểm tra - đánh giá trong dạy học Lịch sử - Địa lí	2(1;1)	15	30	55
2.3.2. Tự chọn			2			
Tự chọn 4. 2 tín chỉ (chọn 1 trong 3 học phần)			2			
57	010204036	Dạy học phát triển năng lực môn Lịch sử và Địa lí ở THCS	2(1;1)	15	30	55
58	010204035	Dạy học tích hợp môn Lịch sử và Địa lí ở THCS	2(1;1)	15	30	55
59	010716003	Giao tiếp sư phạm	2(1;1)	15	30	55
2.3. Thực hành, thực tập và tốt nghiệp			18			
60	010204037	Thực hành sư phạm thường xuyên 1	1(0;1)	15	30	55
61	010204038	Thực hành sư phạm thường xuyên 2	1(0;1)	15	30	55
62	010204039	Thực tập sư phạm 1	3(0;3)	0	135	60

63	010204040	Thực tập sư phạm 2	5(0;5)	0	225	100
64	010204041	Khóa luận tốt nghiệp /Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (<i>Lựa chọn các học phần thuộc kiến thức giáo dục chuyên nghiệp tự chọn mà sinh viên chưa được học</i>)	8	0	8	
		TỔNG	135			

Ghi chú: Giáo dục thể chất* và Giáo dục Quốc phòng và An ninh* có quỹ thời gian và chương trình đào tạo riêng theo quy định

6.3. Phân nhiệm giữa các học phần và Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR của Chương trình đào tạo được thể hiện trong Bảng 13

Bảng 14. Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT được thể hiện trong Bảng 14

TT	Mã HP	Tên học phần	PLO1.1		PLO1.2			PLO1.3		PLO1.4		PLO1.5		PLO2.1		PLO2.2				PLO2.3			PLO2.4		PLO2.5		PLO3.1		PLO3.2		KỲ
			1.1.1	1.1.2	1.2.1	1.2.2	1.2.3	1.3.1	1.3.2	1.4.1	1.4.2	1.5.1	1.5.2	2.1.1	2.1.2	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.4.1	2.4.2	2.5.1	2.5.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	
1	010615001	Triết học Mác - Lênin	K3																						S2			A2			I
2	010313001	Tiếng Anh 1												S2												S2					
3	010314001	Tin học đại cương	K3												S3																
4	10716018	Tâm lí học						K3																				A3			
5	010204001	Khảo cổ học và nhập môn Lịch sử - Địa lí			K3	K3																S2		S2							
6	10204008	Bản đồ học			K3															S2	S3				S2						
7	10204042	Lịch sử văn minh thế giới				K3	K3														S3					S2			A3		
8	10615002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	K3																						S2			A2			II
9	10313002	Tiếng Anh 2												S2												S2					
10	10408001	Dân tộc học đại cương		K3																			S2					A3			
11	10716019	Giáo dục học 1							K3	K3		K2																A3			
12	10204009	Địa lý tự nhiên đại cương			K4																S3	S3						A3			
13	10204050	Xã hội học đại cương		K3																				S2				A3			
14	10204002	Lịch sử thế giới cổ - trung đại				K4	K4																S2		S2						
16	10313003	Tiếng Anh 3												S3												S3					
17	10615003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	K3																						S2			A3			

18	10204010	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương			K4														S3	S3								A3	III
19	10408021	Cơ sở văn hóa Việt Nam		K3																							A3		
20	10615012	Lôgic học đại cương	K3																				S3		A3				
21	10204005	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại				K4	K4												S3	S2			S3			A3			
22	10716020	Giáo dục học 2						K3						S3									S3		A3				
23	10204003	Lịch sử thế giới cận đại				K4													S3	S2									IV
24	10615004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	K3																			S3				A3			
25	10204011	Địa lý các châu lục 1			K4		K4											S3	S3										
26	10204006	Lịch sử Việt Nam cận đại				K4	K4												S3	S2	S3	S3				A4			
27	10204021	Lí luận và phương pháp dạy học Lịch sử							K3	K3	K2			S3	S2		S3	S3							A3	A4			
28	10204013	Địa lý tự nhiên Việt Nam			K4													S3									A4		
29	10204004	Lịch sử thế giới hiện đại				K4													S3	S2									V
30	10204034	Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Lịch sử - Địa lí																		S2	S3	S3				A4			
31	10615005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	K3																				S3			A3			
32	10204020	Lí luận và phương pháp dạy học Địa lí							K3	K3	K2			S3	S2		S3	S3								A3	A4		
	10204012	Địa lý các châu lục 2			K4		K4											S3	S3						A3				
33	10204014	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam			K4													S3	S3								A4		
34	10204032	Ứng dụng công nghệ thông tin	K3										S3		S3							S3							

[illegible]

49	10204017	Giáo dục môi trường			K4																S3								A4	VII	
50	10204018	Dân số học			K4																S3										
51	10204023	Lịch sử và địa lí địa phương					K4								S4						S4	S2	S3					A4			
52	10204022	Các nền văn minh trên đất nước Việt Nam				K4	K4																					A4			
53	10204015	Địa lý biển Đông và biển đảo Việt Nam			K4		K4																						A4		
54	10204019	Thực địa			K4																S4	S2	S3	S3				A4			
55	10204025	Đô thị: Lịch sử và hiện tại					K4															S2						A4			
56	10204036	Dạy học phát triển năng lực môn Lịch sử - Địa lí ở trường THCS			K4	K4	K4			K4	K4			S3		S4	S3											A4			
57	10204035	Dạy học tích hợp Lịch sử - Địa lí ở trường THCS					K4				K4				S4			S3													
58	10716003	Giao tiếp sư phạm						K3																	S3	A3					
59	10204040	Thực tập sư phạm 2						K3	K3		K4		K3		S3	S3	S4	S3	S3		S4		S2	S3			A3	A4	A4		
TỔNG			9	3	14	15	13	5	4	6	9	6	5	3	4	4	10	8	4	7	19	16	14	9	15	11	8	18	17	12	

6.4. Kế hoạch dạy học

Bảng 15. Kế hoạch dạy học

Học kì	Tổng số tín chỉ	STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ			Học phần		
						Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm Thảo luận	Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra đánh giá	Tiên quyết	Học trước	Song hành
I	19	1	010615001	Triết học Mác- Lênin	3(3;0)	45	0	105	Không	Không	Không
		2	010313001	Tiếng Anh 1	2(1;1)	15	30	55	Không	Không	Không
		3	010116001	Giáo dục thể chất 1*	1(0;1)	0	45	5	Không	Không	Không
		4	010314001	Tin học đại cương	3(2;1)	30	30	90	Không	Không	Không
		5	010716018	Tâm lí học	4(4;0)	60	0	140	Không	Không	Không
		6	010204001	Khảo cổ học và nhập môn Lịch sử - Địa lí	2(2;0)	30	0	70	Không	Không	Không
		7	010204008	Bản đồ học	2(1;1)	15	30	55	Không	Không	Không
		8	010204042	Lịch sử văn minh thế giới	3(2;1)	30	30	90	Không	Không	Không
II	19	9	010615002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2(2;0)	30	0	70	Không	010615001	Không
		10	010313002	Tiếng Anh 2	3(2;1)	30	30	90	010313001	Không	Không
		11	010408001	Dân tộc học đại cương	2(2;0)	30	0	70	Không	Không	Không
		12	010716019	Giáo dục học 1	3(3;0)	45	0	105	010716018	Không	Không
		13	010204009	Địa lý tự nhiên đại cương	4(4;0)	60	0	140	Không	Không	Không
		14	010204050	Xã hội học đại cương	2(2;0)	26	4	70	Không	Không	Không
		15	010204002	Lịch sử thế giới cổ - trung đại	3(3;0)	30	0	105	010204001	Không	Không
		16	010116002	Giáo dục thể chất 2*	1(0;1)	0	45	5	Không	010116001	Không
		17	010313003	Tiếng Anh 3	3(2;1)	30	30	90	010313002	Không	Không
		18	010116003	Giáo dục thể chất 3*	1(0;1)	0	45	5	Không	010116002	Không
		19	010615003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2(2;0)	30	0	70	Không	010615002	Không
		20	010204010	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương	3(3;0)	45	0	105	010204009	Không	Không
		21		Tự chọn 1	2(2;0)						

III	18	22	010204005	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại	3(2;1)	30	30	90	010204002	Không	Không
		23	010716020	Giáo dục học 2	2(1;1)	15	30	55	010716019	Không	Không
		24	010204003	Lịch sử thế giới cận đại	3(3;0)	45	0	105	010204002	Không	Không
IV	17	25	010615004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (1,5; 0,5)	22,5	15	61.5	Không	010615003	Không
		26	010204011	Địa lý các châu lục 1	3(3;0)	45	0	105	010204010	Không	Không
		27	010204012	Địa lý các châu lục 2	3(3;0)	45	0	105	010204010	010204011	Không
		28	010204006	Lịch sử Việt Nam cận đại	3(2;1)	30	30	90	010204003 010204005	Không	Không
		29	010204021	Lí luận và phương pháp dạy học Lịch sử	3(2;1)	30	30	90	010716020 010204003	Không	Không
		30	010204013	Địa lý tự nhiên Việt Nam	3(2;1)	30	30	90	010204009	Không	Không
V	17	31	010615005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2(2;0)	30	0	70	Không	010615004	Không
		32	010615006	Pháp luật đại cương, Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành giáo dục đào tạo	3(3,0)	45	0	105	Không	010615001	Không
		33	010204020	Lí luận và phương pháp dạy học Địa lí	3(2;1)	30	30	90	010716020 010204013	Không	Không
		34	010204004	Lịch sử thế giới hiện đại	3(3;0)	45	0	105	010204003	Không	Không
		35	010204014	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam	3(2;1)	30	30	90	010204010	Không	Không
		36	010204039	Thực hành sư phạm thường xuyên 1	1(0;1)	15	30	55	010204021	Không	Không
		37	010204032	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử - Địa lí	2(1;1)	15	30	55	010314001	Không	010204020 010204021
VI	18	38	010204034	Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Lịch sử - Địa lí	2(1;1)	15	30	55	010204001	Không	010204020 010204021
		39	010204040	Thực hành sư phạm thường xuyên 2	1(0;1)	15	30	55	010204020	Không	Không
		40	010204007	Lịch sử Việt Nam hiện đại	3(2;1)	30	30	90	010204004 010204006	Không	Không
		41	010204024	Thực tế chuyên môn	1(0;1)	0	30	20	010204006	Không	010204007
			010204039	Thực tập sư phạm 1	3(0;3)	0	135	60	010204037	Không	010204038

		42	010204031	Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử - Địa lí	2(1;1)	15	30	55	010204020 010204021	Không	Không
		43		Tự chọn 3	2(2;0)	30	0	70			
		44	010204025	Đô thị: Lịch sử và hiện tại	2(2;0)	30	0	70		Không	010204007
		45	010204033	Kiểm tra - đánh giá trong dạy học Lịch sử - Địa lí	2(1;1)	15	30	55	010204020 010204021	Không	Không
VII	14	46	010204023	Lịch sử và địa lí địa phương	3(2;1)	30	30	90	010204007 010204014	Không	Không
		47	010204022	Các nền văn minh trên đất nước Việt Nam	2(2;0)	30	0	70	010204007	Không	Không
		48	010204015	Địa lý biển Đông và biển đảo Việt Nam	2(2;0)	30	0	70	Không	Không	Không
		49	010204019	Thực địa	1(0;1)	0	30	20	010204014	Không	Không
		50		Tự chọn 2	2(2;0)x2	60	0	150			
		51		Tự chọn 4	2(1;1)	15	30	55			
VIII	13	52	010204040	Thực tập sư phạm 2	5(0;5)	0	225	100	010204039	Không	Không
		53	010204041	Khóa luận tốt nghiệp/Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	8						

6.5. Chiến lược giảng dạy - học tập

6.5.1. Chiến lược dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giáo viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này gồm phương pháp giải thích cụ thể, thuyết giảng.

6.5.1.1. Giải thích cụ thể

Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giáo viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.

6.5.1.2. Thuyết giảng /Thuyết trình

Giáo viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung một cách có hệ thống. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt. Ngoài các phương pháp trên, có thể sử dụng thêm các phương pháp khác phù hợp với mục tiêu, nội dung học phần như kể chuyện,...

6.5.1.3. Quan sát

Giảng viên theo dõi, lắng nghe sinh viên trong quá trình giảng dạy trên lớp, sử dụng phiếu quan sát, bảng kiểm tra, nhật ký ghi chép lại các biểu hiện của sinh viên để sử dụng làm minh chứng đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của sinh viên.

6.5.2. Chiến lược dạy học gián tiếp

Dạy học gián tiếp là chiến lược dạy học trong đó người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giáo viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến với sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược gồm : Câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề, học theo tình huống.

6.5.2.1. Câu hỏi gợi mở

Trong tiến trình dạy học, giáo viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

6.5.2.2. Giải quyết vấn đề

Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và chiếm lĩnh được những kiến thức, kỹ năng mới thông qua việc giải quyết vấn đề.

6.5.2.3. Học theo tình huống/Dạy học tình huống

Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giáo viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên

giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

6.5.2.4. Trực quan

Trực quan là một trong những nguyên tắc cơ bản của lí luận dạy học nhằm tạo cho người học những biểu tượng và hình thành các khái niệm trên cơ sở trực tiếp quan sát hiện vật đang học hay đồ dùng trực quan minh họa sự vật. Sử dụng đồ dùng trực quan là PPDH có sử dụng phương tiện trực quan như các phương tiện kỹ thuật dạy học, video tư liệu, sơ đồ, biểu đồ, tranh ảnh, mô hình... trong, trước và sau khi sử dụng các tài liệu mới hay khi ôn tập để củng cố, là cơ sở cho quá trình nhận thức và lĩnh hội bài giảng tốt hơn.

6.5.3. Học trải nghiệm

Học trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận.

Các phương pháp dạy học theo chiến lược này gồm: thực hành, thực tập, thực tế và nhóm nghiên cứu giảng dạy.

6.5.3.1. Thực hành, thực tập, thực tế

Thông qua các hoạt động thực hành, thực tập, thực tế, sinh viên hiểu được môi trường làm việc, công việc thực tế của trường trung học; học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong giáo dục trung học; hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức, kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

6.5.4. Dạy học tương tác

Đây là chiến lược dạy và học trong đó, giảng viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận để giải quyết vấn đề đó. Giảng viên với vai trò hướng dẫn sinh viên từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp sinh viên đạt được mục tiêu dạy học. Sinh viên có thể học từ bạn học hay từ giảng viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.

Các kỹ thuật, phương pháp theo chiến lược này gồm có: thảo luận, học nhóm.

6.5.4.1. Thảo luận

Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

6.5.4.2. Học nhóm

Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo, thuyết trình, tập giảng trước các nhóm và giảng viên.

6.5.5. Tự học

Chiến lược tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giáo viên. Đây là một quá trình giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập

của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập, thiết kế và tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ hay vấn đề mà giáo viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp.

Phương pháp học theo chiến lược này chủ yếu là phương pháp bài tập ở nhà.

Bài tập ở nhà

Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giáo viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu. Các phương pháp dạy và học nói trên giúp sinh viên đạt được PLOs, thể hiện trong

Các phương pháp dạy và học nói trên giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra, thể hiện trong Bảng 16

Bảng 16. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp dạy - học

Chiến lược và phương pháp dạy học		PLOs												Ghi chú
		1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2	
I	Dạy trực tiếp													
1	Giải thích cụ thể	x	x	x	x	x								
2	Thuyết giảng	x	x	x	x	x								
3	Quan sát	x	x	x				x	x		x	x	x	
II	Dạy gián tiếp													
4	Câu hỏi gợi mở	x	x	x	x	x								
5	Giải quyết vấn đề	x		x	x	x								
6	Học tình huống			x	x	x								
7	Trực quan													
III	Học trải nghiệm		x											
8	Thực hành, thực tập, thực tế		x	x	x	x	x		x	x				
IV	Dạy học tương tác				x			x		x				
10	Thảo luận													
11	Học nhóm	x	x					x			x			
V	Tự học	x	x					x			x			
11	Bài tập ở nhà	x						x			x			

6.6. Chiến lược và phương pháp đánh giá

6.6.1. Các phương pháp đánh giá

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên là quá trình ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục và định kỳ. Yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể được thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người học và nhà quản lý. Từ đó, kịp thời có những điều chỉnh về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Chương trình đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng môn học để lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá được chia thành 2 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment).

** Đánh giá tiến trình (On-going/Formative Assessment)*

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

** Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)*

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, và đánh giá cuối học kỳ.

Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá tiến trình và đánh giá tổng kết/định kỳ gồm: đánh giá ý thức học tập, đánh giá bài tập (Work Assignment), đánh giá thuyết trình (Oral Presentation), Kiểm tra viết (Written Exam), Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice Exam), Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam), Báo cáo (Written Report), đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assesment) và thực hành (Practices, assignment).

6.6.1.1. Đánh giá ý thức học tập

Đánh giá ý thức học tập: Bao gồm đánh giá chuyên cần (điểm danh sự có mặt của người học); ý thức, thái độ trong việc chuẩn bị bài, thực hiện các nhiệm vụ học tập trên lớp. Việc đánh giá ý thức học tập được thực hiện theo Rubric 1.

6.6.1.2. Đánh giá thực hành (Project Attendance)

Sinh viên được yêu cầu thực hành cá nhân và làm việc nhóm. Hoạt động này không những giúp sinh viên đạt được những kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp mà còn giúp sinh viên phát triển kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm. Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của sinh viên có thể sử dụng các tiêu chí đánh giá cụ thể như Rubric 2.

6.6.1.3. Đánh giá bài tập (Work Assignment)

Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm và được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể như Rubric 3.

6.6.1.4. Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)

Sinh viên được yêu cầu giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học theo nhóm hoặc cá nhân và trình bày kết quả. Hoạt động này giúp

sinh viên đạt được kiến thức, phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm. Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của sinh viên có thể sử dụng các tiêu chí đánh giá cụ thể như Rubric 4.

6.6.1.5. Kiểm tra viết (Written Exam)

Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

6.6.1.6. Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)

Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế sẵn.

6.6.1.7. Báo cáo (Written Report)

Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, hình ảnh trong báo cáo. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo phương pháp này theo Rubric 6.

6.6.1.8. Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment)

Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo Rubric 7.

6.6.1.9. Đánh giá vấn đáp (Oral Exam)

Trong phương pháp này, sinh viên được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp này được thể hiện trong Rubric 5.

Bảng 17. Quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Phương pháp đánh giá		PLOs											
		1.1	1.2	1.3	1.4	1.5	2.1	2.2	2.3	2.4	2.5	3.1	3.2
I	Đánh giá tiến trình												
1	Đánh giá ý thức học tập	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	Đánh giá bài tập		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3	Đánh giá thuyết trình		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4	Đánh giá thực hành		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5	Đánh giá làm việc nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6	Bảo vệ và thi vấn đáp							x					
7	Kiểm tra viết	x	x	x	x	x							
8	Kiểm tra trắc nghiệm	x	x		x	x	x						

9	Báo cáo		x						x	x			
10	Quan sát	x	x	x				x	x		x	x	x
II	Đánh giá tổng kết/định kỳ												
1	Kiểm tra viết	x	x	x	x	x	x						
2	Kiểm tra trắc nghiệm	x	x			x	x						
3	Đánh giá vấn đáp	x					x						
4	Báo cáo		x						x	x			
5	Đánh giá thuyết trình		x		x	x						x	x
6	Đánh giá làm việc nhóm	x						x	x	x	x	x	x
7	Đánh giá thực hành		x	x	x	x	x	x	x	x		x	x

6.6.2. Công cụ, tiêu chí đánh giá

Trên cơ sở các phương pháp đánh giá, CTĐT đã xây dựng các công cụ, tiêu chí cụ thể để thực hiện việc đánh giá sinh viên theo các Rubrics. Tùy theo yêu cầu, mục tiêu và đặc trưng của từng môn học để lựa chọn phương pháp đánh giá cũng như Rubrics đánh giá thích hợp. Cùng một phương pháp đánh giá có thể áp dụng Rubric đánh giá khác nhau cho các học phần khác nhau.

Các Rubrics đánh giá được xây dựng chi tiết tương ứng với phương pháp đánh giá trong chương trình đào tạo. Cụ thể như sau:

1. Đánh giá ý thức học tập

Việc đánh giá ý thức học tập hiện theo Quyết định số 435/QĐ-ĐHHL ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Trường Đại học Hoa Lư về việc ban hành Quy chế Đào tạo trình độ Đại học và được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể như Rubric 1.

1. Rubric 1: Đánh giá ý thức học tập

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
Chuyên cần	Điểm 0	Điểm 5.0 - 6.4	Điểm 6.5 - 7.9	Điểm 8.0 - 8.9	Điểm 9 - 10	50%
	Dự < 80% số giờ thực học	- Dự từ 80 - < 85% số giờ thực học; - Số lần đi muộn ≤ 4	- Dự từ 85 - < 90% số giờ thực học; - Số lần đi muộn ≤ 3	- Dự từ 90 - < 95% số giờ thực học; - Số lần đi muộn ≤ 2	- Dự từ 95 - 100% số giờ thực học; - Số lần đi muộn: ≤ 1	
Ý thức học tập	Điểm < 5.0	Điểm 5.0 - 6.4	Điểm 6.5 - 7.9	Điểm 8.0 - 8.9	Điểm 9 - 10	50%
	Chưa tích cực, chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập; Kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập đạt < 50%	Chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập; Kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập đạt từ 50% - < 65%.	Chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập; Kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập đạt từ 65% - < 80%.	Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập; Kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập đạt từ 80% - < 90%.	Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học; Kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập đạt từ 90% - 100%.	

2. Rubric 2: Đánh giá Thực hành

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định				Trọng số
	<4,0 điểm	4,0 điểm – 6,9 điểm	7,0 điểm – 8,4 điểm	8,5 điểm – 10 điểm	
Nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ	Không tham gia thảo luận và chia sẻ	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận và chia sẻ.	Có tham gia thảo luận và chia sẻ.	Tích cực nêu vấn đề thảo luận và chia sẻ.	10%
Thực hiện các thao tác, quy trình thực hành/thực tế	Không thực hiện được các thao tác, quy trình	Thực hiện đầy đủ các thao tác, quy trình	Thực hiện khá tốt các thao tác, quy trình.	Thực hiện tốt các thao tác, quy trình.	20%
Kết quả đầy đủ và đáp ứng yêu cầu thực hành /thực tế	Kết quả thực hành không đầy đủ và không đáp ứng yêu cầu.	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có một số sai sót quan trọng.	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ.	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu.	30%
Kết quả được giải thích và chứng minh	Giải thích và chứng minh không rõ ràng.	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng.	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng.	Giải thích và chứng minh rõ ràng.	30%
Báo cáo thực hành/thực tế	Không đúng yêu cầu và nộp quá thời gian giao hạn.	Nhiều chỗ không đáp ứng yêu cầu và nộp trong thời gian giao hạn.	Còn một vài sai sót nhỏ chưa đáp ứng yêu cầu và nộp đúng hạn.	Đúng yêu cầu và nộp đúng hạn.	10%

3. Rubric 3: Đánh giá bài tập

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm < 4.0	Điểm 4.0-5.4	Điểm 5.5-6.9	Điểm 7.0-8.4	Điểm 8.5-10	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập	Nộp bài tập 70% số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao) Một số bài tập chưa đúng thời gian quy định	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp	Bài tập trình bày đúng yêu cầu(font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước)	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

4. Rubric 4: Đánh giá thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm < 4.0	Điểm 4.0-5.4	Điểm 5.5-6.9	Điểm 7.0-8.4	Điểm 8.5-10	
Nội dung thuyết trình	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video và giải thích cụ thể hiểu biết trên video	50%
Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng.	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, thể hiện sự thành thạo trong trình bày.	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ.	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ, người nghe không hiểu	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày.	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe. Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định.	25%

5. Rubric 5: Đánh giá vấn đáp

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm < 4.0	Điểm 4.0-5.4	Điểm 5.5-6.9	Điểm 7.0-8.4	Điểm 8.5-10	
Thái độ trả lời câu hỏi	Thái độ giao tiếp, trả lời thô lỗ, không hợp tác, thiếu tôn trọng trong giao tiếp, thuật ngữ không phù hợp, giọng nói khó nghe.	Thái độ giao tiếp, trả lời câu hỏi lễ độ. Sử dụng các thuật ngữ trong câu trả lời phức tạp, khó hiểu. Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin.	Thái độ giao tiếp, trả lời nhẹ nhàng, hòa nhã. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời phù hợp, dễ hiểu.	Thái độ trong câu trả lời tự tin, từ tốn, nhẹ nhàng, điềm đạm. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời đơn giản, dễ hiểu. Giọng nói lưu loát, rõ ràng.	Thái độ giao tiếp, trả lời rất tự tin. Giọng nói rõ ràng, lưu loát, thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe.	20%
Nội dung trả lời	Các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên quan, không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi.	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục.	Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi hoàn toàn thuyết phục.	80%

6. Rubric 6: Đánh giá báo cáo

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm < 4.0	Điểm 4.0-5.4	Điểm 5.5-6.9	Điểm 7.0-8.4	Điểm 8.5-10	
Nội dung báo cáo	Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ theo yêu cầu. Tính toán sai, không cụ thể, không đáp ứng yêu cầu.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, còn một số nhầm lẫn trong tính toán, một số nội dung chưa hợp lý.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, trình tự tính toán hợp lý, tính toán chính xác. Kết quả tính toán và chọn chưa có giải thích cụ thể, chưa thuyết phục.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, tính toán chi tiết, rõ ràng, logic, trình tự tính toán hợp lý. Kết quả tính toán và chọn có sự phân tích, lý giải cụ thể, rõ ràng và thuyết phục.	80%
Trình bày báo cáo	Không có báo cáo hoặc báo cáo không đúng với nội dung theo yêu cầu.	Trình tự trình bày trong báo cáo không đúng. Nội dung phù hợp theo yêu cầu. Hình vẽ, bảng biểu còn nhiều mâu thuẫn với nội dung.	Nội dung, trình tự trình bày báo cáo phù hợp theo yêu cầu. Trình bày còn một số lỗi về chính tả, kích thước, ghi chú chưa đầy đủ.	Nội dung phù hợp. Trình tự, cấu trúc logic, rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic, ghi chú phù hợp. Thẻ hiện kỹ năng soạn thảo văn bản còn hạn chế.	Nội dung phù hợp. Trình tự, cấu trúc logic, rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic, ghi chú phù hợp. Thẻ hiện việc sử dụng thành thạo máy tính trong trình bày báo cáo.	20%

7. Rubric 7: Đánh giá làm việc nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm < 4.0	Điểm 4.0-5.4	Điểm 5.5-6.9	Điểm 7.0-8.4	Điểm 8.5-10	
Tổ chức nhóm	Không có sự làm việc nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ công việc của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể.	Mỗi thành viên có nhiệm vụ công việc riêng nhưng không rõ ràng và không phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ công việc rõ ràng và phù hợp với khả năng của mỗi thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ công việc của mỗi thành viên rõ ràng, cụ thể, phù hợp. Phát huy thế mạnh của các thành viên trong nhóm. Tương tác, phối hợp tốt giữa các thành viên.	30%
Tham gia làm việc nhóm (chuyên cần)	< 30%	<50%	<70%	<90%	100%	20%
Thảo luận	Không bao giờ tham gia vào việc thảo luận của nhóm.	Hiếm khi tham gia vào thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay.	Tham gia đầy đủ các buổi thảo luận của nhóm, đóng góp ý kiến hay, hiệu quả cho các hoạt động của nhóm.	30%
Phối hợp nhóm	Không bao giờ phối hợp, hợp tác nhóm.	Hiếm khi hợp tác, phối hợp làm việc nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thỉnh thoảng tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thường xuyên tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	20%

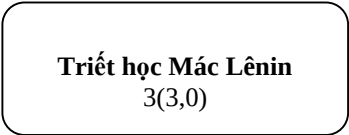
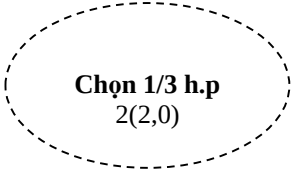
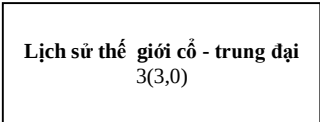
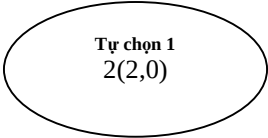
8. Đánh giá kiểm tra viết: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

9. Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

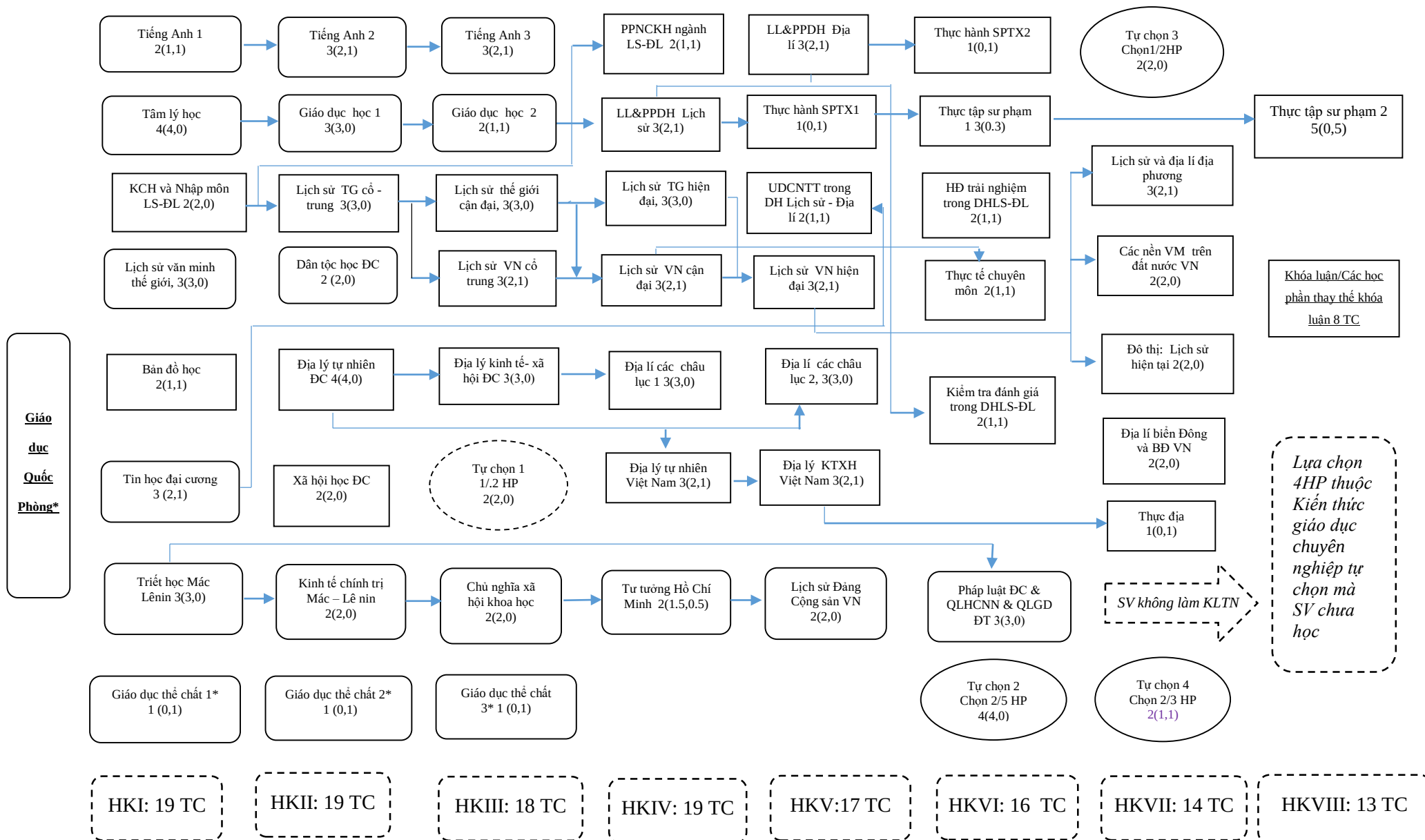
10. Công cụ, tiêu chí đánh giá (Rubric) khác: Rubric đánh giá kỹ năng nói (Các học phần Tiếng Anh 1,2,3; bảng kiểm tin học đại cương) ... được xây dựng và thể hiện trong các đề cương chi các học phần. Một số công cụ, tiêu chí đánh giá/ Rubric khác được xây dựng trong đề cương chi các học phần sử dụng cho những học phần có tính đặc thù.

6.7. Sơ đồ tiến trình đào tạo

Bảng 18. Nội dung ký hiệu dùng trong kế hoạch giảng dạy

KÝ HIỆU	NỘI DUNG
Kiến thức giáo dục đại cương - Phần bắt buộc 	Triết học Mác Lênin: Tên học phần Tổng số tín chỉ (lý thuyết, thực hành)
Kiến thức giáo dục đại cương - Phần tự chọn 	Chọn 1/3 HP Tên học phần tự chọn: số học phần được chọn/tổng số học phần 2(2,0) Tổng số tín chỉ (lý thuyết, thực hành)
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp - Phần bắt buộc 	Lịch sử thế giới cổ - trung đại Tên học phần 3(3,0) Tổng số tín chỉ (lý thuyết, thực hành)
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp - Phần tự chọn 	Chọn 1/2 HP Tên học phần tự chọn: số học phần được chọn/tổng số học phần Tổng số tín chỉ (lý thuyết, thực hành)
	Mối liên hệ giữa các học phần
Ghi chú: - (*) Có quỹ thời gian riêng, không tính vào khối lượng thực học của kỳ - Tổng 129 tín chỉ, không tính nội dung Giáo dục thể chất 1,2,3	

Bảng 19. Sơ đồ tiến trình đào tạo



7. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

7.1. Triết học Mác - Lê nin

Mã học phần: 01061500 Số tín chỉ: 3(3,0) Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần

Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác Lê nin và vai trò của triết học Mác –Lê nin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm: vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm: vấn đề hình thái kinh tế- xã hội, giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; triết học về con người.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Giải thích được những nguyên lý và quy luật của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.
CLO2	K3	Vận dụng những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử để giải quyết được những vấn đề đặt ra trong học tập và thực tiễn của cuộc sống.
CLO3	S2	Xây dựng kế hoạch làm việc nhóm và thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ của nhóm.
CLO4	A2	Thể hiện được khả năng tự học, tự nghiên cứu.

7.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Mã học phần: 010615002 Số tín chỉ: 2(2,0) Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần

Nội dung chính gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Diễn giải được những kiến thức cơ bản về quá lịch sử hình thành kinh tế chính trị Mác – Lênin, đối tượng, phương pháp và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin, lý luận về sản xuất hàng hóa, về giá trị thặng dư và chủ nghĩa tư bản độc quyền, chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.

CLO2	K2	Giải thích những kiến thức cơ bản về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích ở Việt Nam, công nghiệp hóa – hiện đại hóa và quan hệ kinh tế quốc tế ở Việt Nam.
CLO 3	K3	Vận dụng được những vấn đề có tính quy luật của Kinh tế chính trị Mác – Lênin để giải thích những vấn đề diễn ra trong thực tiễn hoạt động của bản thân, vào việc bảo vệ quan điểm đúng đắn, phản biện lại những tư tưởng sai trái về định hướng phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.
CLO 4	S2	Xây dựng được kế hoạch làm việc nhóm và thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của nhóm.
CLO 5	A2	Thể hiện được khả năng tự lên kế hoạch học tập, tự học, tự tích lũy kiến thức trong quá trình học tập và nghiên cứu. Xây dựng niềm tin vào đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về định hướng phát triển kinh tế xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

7.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mã học phần: 010615003

Số tín chỉ: 2 (2.0)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần

Nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học. Cụ thể là các vấn đề: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Giải thích được những quy luật, tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế - xã hội CSCN.
CLO2	K3	Triển khai những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học để giải quyết được những vấn đề đặt ra trong học tập và thực tiễn của cuộc sống.
CLO3	S3	Xây dựng kế hoạch làm việc nhóm và thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ của nhóm.
CLO4	A3	Thực hiện được khả năng tự học, tự nghiên cứu.

7.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mã học phần: 010615004

Số tín chỉ: 2 (1.5, 0.5)

Loại học phần: Bắt buộc

a, Mô tả tóm tắt học phần

Tổng số gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, con người; Đạo đức.

b, Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2	Giải thích được nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.
CLO2	K3	Chỉ ra được sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.
CLO3	S3	Xây dựng được kế hoạch làm việc nhóm và triển khai được các nhiệm vụ của nhóm. Hình thành cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, sáng tạo, biết sử dụng kiến thức đã học giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.
CLO4	A3	Nâng cao tính tích cực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, thực hiện đúng nghĩa vụ và trách nhiệm công dân, tuân thủ các quy định về đạo đức nhà giáo; có tinh thần trách nhiệm, khả năng tự học, tự nghiên cứu.

7.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Mã học phần: 010615005

Số tín chỉ: 2 (2.0)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
---------------------	-------------	---------------------------

CLO 1	K2	Giải thích được sự ra đời của Đảng, nội dung cơ bản, giá trị của các Cương lĩnh, Nghị quyết của Đảng và quá trình Đảng lãnh đạo trong thực tiễn.
CLO2	K3	Triển khai những kiến thức đã học về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam để giải quyết được những vấn đề đặt ra trong học tập và thực tiễn.
CLO3	S3	Xây dựng kế hoạch làm việc nhóm và thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ của nhóm.
CLO4	A3	Thể hiện ý thức tổ chức kỷ luật, khả năng tự học, tự nghiên cứu.

7.6. Pháp luật đại cương, Quản lý hành chính nhà nước và Quản lý ngành giáo dục - đào tạo

Mã học phần: 010615006 Số tín chỉ: 3(3,0) Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần

Học phần Pháp luật đại cương, Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục – đào tạo sẽ khái quát những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật; Các loại văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước ta hiện nay; Quy phạm pháp luật; Quan hệ pháp luật; Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; Các ngành luật trong hệ thống pháp luật nước ta hiện nay; pháp luật về phòng chống tham nhũng; Pháp chế xã hội chủ nghĩa; Những kiến thức cơ bản về quản lý Hành chính Nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo. Từ đó góp phần định hướng cho sinh viên sống, học tập và làm việc theo pháp luật.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Giải thích được những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, về quản lý hành chính nhà nước, quản lý ngành giáo dục và đào tạo.
CLO2	K3	Vận dụng kiến thức về nhà nước và pháp luật, quản lý hành chính nhà nước, quản lý ngành giáo dục và đào tạo để giải quyết những vấn đề pháp lý trong thực tiễn cuộc sống.
CLO3	S3	Tổ chức một số hoạt động nhóm và hoàn thành các nhiệm vụ của nhóm.
CLO4	A3	Góp phần định hướng cho sinh viên thực hiện đúng nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân và các quy định về đạo đức nhà giáo.

7.7. Dân tộc học đại cương

Mã học phần: 010408001 Số tín chỉ: 2(2,0) Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về dân tộc học: định nghĩa, đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu, lịch sử phát triển của dân tộc học, các trường phái dân tộc học, một

số vấn đề cơ bản của tộc người như: chủng tộc, ngôn ngữ, các tiêu chí xác định tộc người và các loại hình cộng đồng tộc người trong tiến trình lịch sử, các loại hình tôn giáo sơ khai.

Học phần cũng trang bị những thao tác cơ bản về phương pháp nghiên cứu dân tộc học để vận dụng vào việc tiếp cận các vấn đề văn hóa và văn hóa tộc người.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Giải thích được kiến thức cơ bản về dân tộc học là một khoa học nghiên cứu về tộc người và văn hóa tộc người
CLO2	K3	Vận dụng kiến thức dân tộc học để giải thích các hiện tượng, các vấn đề dân tộc trong lịch sử và trong thực tiễn
CLO3	S2	Xây dựng nội dung tiếp cận nghiên cứu từ góc độ dân tộc học
CLO4	A3	Nghiên cứu văn hóa tộc người góp phần làm sáng tỏ các hiện tượng văn hóa tộc người trong tiến trình lịch sử

7.8. Xã hội học đại cương

Mã học phần: 010204050

Số tín chỉ: 2(2,0)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, một cách có hệ thống các tri thức lý thuyết đại cương về Xã hội học từ những vấn đề chung, khái niệm cơ bản; các phương pháp nghiên cứu Xã hội học cụ thể, đến các lĩnh vực nghiên cứu của Xã hội học cơ bản. Từ đó, giúp cho sinh viên nhận diện, phân tích, đánh giá các vấn đề xã hội một cách khách quan và khoa học.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Chỉ ra được những kiến thức cơ bản của Xã hội học.
CLO2	K3	Vận dụng được kiến thức Xã hội học vào hoạt động nghề nghiệp và thực tiễn.
CLO3	S2	Có kỹ năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu của khoa học Xã hội học vào thực tiễn.
CLO4	A3	Chủ động, tích cực trong học tập và nghiên cứu.

7.9. Tiếng Anh 1

Mã học phần: 010313001

Số tín chỉ: 2(1,1)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng theo chủ điểm, các kiến thức văn hóa xã hội của các nước nói tiếng Anh ở trình độ tiền trung cấp. Học phần giúp người học thực hành và phát triển các kỹ năng tiếng (nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ đầu bậc 2 khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sinh viên có thể sử dụng tương đối thuần thục các kiến thức đã học để giao tiếp đơn giản trong các tình huống quen thuộc hàng ngày.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	S2	Áp dụng kỹ năng sử dụng từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, kiến thức văn hóa xã hội của các nước nói tiếng Anh ở trình độ tiền trung cấp trong các hoạt động giao tiếp.
CLO2	S2	Thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương trình độ đầu bậc 2 về các chủ đề phổ biến trong công việc và cuộc sống như kỳ nghỉ, thể thao, phim ảnh, âm nhạc, địa lý, lễ hội, sức khỏe, mua sắm, miêu tả người.
CLO3	S2	Giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động trên lớp và ngoài giờ.

7.10. Tiếng Anh 2

Mã học phần: 010313002 Số tín chỉ: 3(2,1) Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần

Học phần giúp người học thực hành và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) ở trình độ tương đương cuối bậc 2 đầu bậc 3 dựa vào các kiến thức ngôn ngữ được cung cấp về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng theo chủ điểm và kiến thức văn hóa xã hội của các nước nói tiếng Anh. Sinh viên có thể sử dụng tương đối thuần thục các kiến thức đã học để thực hiện giao tiếp trong các tình huống quen thuộc hàng ngày.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	S2	Áp dụng kỹ năng sử dụng từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm và kiến thức văn hóa xã hội của các nước nói tiếng Anh ở trình độ cuối bậc 2 đầu bậc 3 để thực hành các hoạt động giao tiếp thông thường.
CLO2	S2	Thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức tương đương cuối bậc 2 đầu bậc 3 liên quan đến các chủ đề phổ biến như sở thích, nghệ thuật, thiên tai, tai nạn, giải trí, ...
CLO3	S2	Giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động trong lớp và ngoài giờ.

7.11. Tiếng Anh 3

Mã học phần: 010313003 Số tín chỉ: 3(2,1) Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng theo chủ điểm và kiến thức văn hóa xã hội của các nước nói tiếng Anh ở trình độ trung cấp. Học phần

giúp người học thực hành và phát triển các kỹ năng tiếng (nghe, đọc, nói, viết) ở trình độ bậc 3 Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sinh viên có thể phân biệt văn phong học thuật và văn phong hội thoại, cách dựng câu, cách sử dụng từ và câu phổ biến.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CDR HP	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	S2	Áp dụng kỹ năng sử dụng từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, kiến thức văn hóa xã hội của các nước nói tiếng Anh ở trình độ trung cấp trong các hoạt động giao tiếp
CLO2	S3	Thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương trình độ bậc 3 về các chủ đề phổ biến trong công việc và cuộc sống như khoa học kỹ thuật, sự kiện, sở thích, truyền thông và sự nổi tiếng, nghệ thuật...
CLO3	S3	Giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động trên lớp và ngoài giờ

7.12. Tin học đại cương

Mã học phần: 010314001 Số tín chỉ: 3(2,1) Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần

Học phần cung cấp những nội dung cơ bản về công nghệ thông tin, cấu trúc tổng quát về máy tính, mạng máy tính, virus,... Kỹ năng sử dụng Internet trong tìm kiếm và trao đổi thông tin, sử dụng hệ điều hành MS Windows, soạn thảo văn bản MS Word, xử lý bảng tính MS Excel, công cụ thuyết trình MS PowerPoint.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2	Giải thích được các vấn đề cơ bản về công nghệ thông tin
CLO2	K3	Vận dụng kiến thức cơ bản về mạng Internet
CLO3	S3	Sử dụng hệ điều hành Windows cơ bản
CLO4	S3	Sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản MS Word cơ bản
CLO5	S3	Sử dụng phần mềm bảng tính MS Excel cơ bản
CLO6	S3	Sử dụng phần mềm trình chiếu MS PowerPoint cơ bản

7.13. Giáo dục thể chất 1*: Thực hiện theo Quy định hiện hành của nhà Trường

7.14. Giáo dục thể chất 2*: Thực hiện theo Quy định hiện hành của nhà Trường

7.15. Giáo dục thể chất 3*: Thực hiện theo Quy định hiện hành của nhà Trường

7.16. Giáo dục Quốc phòng

Thực hiện theo thông tư số 31/2012-TT-BGDĐT, ngày 12/9/2012 của Bộ trưởng Bộ GD & ĐT về việc ban hành chương trình Quốc phòng - An ninh.

7.17. Cơ sở văn hóa Việt Nam

Mã học phần: 010408021 Số tín chỉ: 2(2,0) Loại học phần: Tự chọn

a) Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức lí luận cơ bản về văn hóa Việt Nam: định nghĩa văn hóa, đặc trưng, chức năng của văn hóa, tiến trình văn hóa; văn hóa tổ chức đời sống tập thể; văn hóa tổ chức đời sống cá nhân; văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên; văn hóa ứng xử với môi trường xã hội và các vùng văn hóa Việt Nam.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Giải thích được các kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam; văn hóa tổ chức đời sống tập thể; văn hóa tổ chức đời sống cá nhân; văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, xã hội; các vùng văn hóa Việt Nam.
CLO2	K3	Vận dụng những kiến thức văn hóa Việt Nam để nhận diện các vấn đề về văn hoá trong cuộc sống, học tập và trong hoạt động nghề nghiệp.
CLO3	A3	Nghiên cứu những vấn đề văn hóa Việt Nam để hỗ trợ nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu nghề nghiệp.

7.18. Logic học đại cương

Mã học phần: 010615012

Số tín chỉ: 2(2,0)

Loại học phần: Tự chọn

a) Mô tả học phần

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về logic học: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu; khái niệm; phán đoán; suy lý; các quy luật cơ bản của logic hình thức; chứng minh, bác bỏ, kiến thức cơ bản về tư duy logic, trên cơ sở nắm chắc các quy tắc và thao tác tư duy, hình thành phương pháp nhận thức khoa học và kỹ năng hành động nói chung trong quá trình học tập.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K2	Giải thích được những kiến thức cơ bản của logic học về các hình thức và quy luật của tư duy.
CLO2	K3	Áp dụng các công thức, quy tắc, quy luật logic để giải các bài tập logic và giải quyết những tình huống trong nhận thức và thực tiễn.
CLO3	S3	Sử dụng thành thạo các thao tác logic cơ bản; có kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và giao tiếp trong nghề nghiệp và cuộc sống.
CLO4	A3	Tuân theo các quy tắc logic trong học tập, công việc và giao tiếp xã hội.

7.19. Khảo cổ học và nhập môn Lịch sử - Địa lí

Mã học phần: 010204001

Số tín chỉ: 2(2,0)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về khoa học Lịch sử, Địa lí; những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh được vận dụng và học tập, nghiên cứu lịch sử. Những vấn đề cơ bản của lịch sử sử học thế giới và Việt Nam.

Những vấn đề cơ bản của khảo cổ học: khái niệm, phương pháp nghiên cứu, các thời đại khảo cổ, các loại hình di tích khảo cổ, vận dụng kiến thức khảo cổ trong học tập, nghiên cứu lịch sử.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Diễn giải được những nội dung cơ bản về nhập môn Lịch sử - Địa lí.
CLO2	K3	Nhận diện và phân biệt được các loại hình, giá trị của các tư liệu khảo cổ học, tư liệu lịch sử, địa lí trong việc học tập và nghiên cứu Lịch sử - Địa lí.
CLO3	K3	Vận dụng được kiến thức về khảo cổ học, kiến thức nhập môn về Lịch sử - Địa lí vào dạy học và thực tiễn.
CLO4	S2	Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu cơ bản của khoa học lịch sử, địa lí vào thực hiện các vấn đề nghiên cứu bộ môn.

7.20. Bản đồ học

Mã học phần: 010204008

Số tín chỉ: 2(1:1)

Loại học phần: Bắt buộc

a. Mô tả tóm tắt học phần

Nội dung môn học bao gồm: Kiến thức cơ bản về bản đồ: khái niệm, cơ sở toán học của bản đồ, ngôn ngữ bản đồ, tổng quát hóa bản đồ. Những điểm đặc trưng của bản đồ dùng trong nhà trường; các phương pháp thành lập và sử dụng bản đồ giáo khoa.

b. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Liên hệ được các kiến thức về hệ thống khái niệm, đặc trưng và các kỹ năng cơ bản để sử dụng và thiết lập bản đồ.
CLO2	S3	Phân loại được tập bản đồ dùng trong nhà trường THCS.
CLO3	S2	Sử dụng được bản đồ vào trong quá trình dạy học.
CLO4	S2	Tổ chức được các hoạt động nhóm trong các hoạt động học tập.

7.21. Lịch sử văn minh thế giới

Mã học phần: 010204042

Số tín chỉ: 3 (2,1)

Loại học phần: Bắt buộc

a. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần giới thiệu khái quát thành tựu văn hoá vật chất và tinh thần của nhân loại trong quá trình lịch sử thời cổ đại đến nay.

Nội dung học phần gồm: những dấu hiệu văn minh trong thời kỳ nguyên thủy; sự phát triển nền văn minh thế giới qua những nền văn minh tiêu biểu thời cổ - trung đại ở phương Đông (văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Hoa...) và ở phương Tây (nền văn minh Hy Lạp, La Mã...); về sự xuất hiện nền văn minh công nghiệp; văn minh thế giới thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI.

b. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K3	Chỉ ra được những vấn đề cơ bản về cơ sở hình thành, thành tựu và những đóng góp của các nền văn minh.
CLO2	K3	Liên hệ được những kiến thức của lịch sử văn minh vào học tập và thực tiễn nghề nghiệp.
CLO3	S3	Xây dựng và sử dụng được đồ dùng trực quan trong học tập và thực tiễn.
CLO4	S2	Thuyết trình được các vấn đề về lịch sử văn minh nhân loại
CLO5	A3	Trân trọng, giữ gìn và phát huy giá trị của các thành tựu văn minh.

7.22. Lịch sử thế giới cổ - trung đại

Mã học phần: 010204002 Số tín chỉ: 3(3,0) Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản của lịch sử thế giới cổ trung đại, trong đó tập trung vào những vấn đề cụ thể sau: Nguồn gốc loài người và các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy; sự hình thành, phát triển của các quốc gia cổ đại phương Đông (Ai Cập, Lưỡng Hà, Trung Quốc, Ấn Độ) và các quốc gia cổ đại phương Tây (Hy Lạp, La Mã); xã hội phong kiến Tây Âu; lịch sử các quốc gia Trung Quốc, Ấn Độ và khu vực Đông Nam Á thời phong kiến. Liên hệ việc giảng dạy phần lịch sử thế giới cổ - trung đại trong chương trình, sách giáo khoa môn Lịch sử và Địa lí lớp 6 và lớp 7 Trung học cơ sở.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K4	Tổng hợp được sự hình thành, phát triển, suy vong, những thành tựu của xã hội nguyên thủy, xã hội cổ đại và xã hội phong kiến phương Đông và phương Tây.
CLO2	K4	Lựa chọn được những vấn đề cơ bản của lịch sử thế giới thời kỳ nguyên thủy, cổ đại và trung đại trong học tập và thực tiễn.
CLO3	S2	Tổ chức được hoạt động nhóm để giải quyết các nhiệm vụ học tập lịch sử
CLO4	S2	Phát hiện được những vấn đề cần nghiên cứu về giai đoạn lịch sử nguyên thủy, cổ trung đại

7.23. Lịch sử thế giới cận đại

Mã học phần: 010204003 Số tín chỉ: 3(3,0) Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về lịch sử thế giới từ thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XX: Các cuộc cách mạng tư sản; Cách mạng công nghiệp ở các nước Âu - Mỹ

thời cận đại; Sự xác lập chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn thế giới, chủ nghĩa đế quốc; Sự ra đời và phát triển của phong trào công nhân; Quá trình xâm lược của chủ nghĩa thực dân và phong trào đấu tranh chống xâm lược thời kỳ cận đại của các nước Á, Phi, Mỹ latin; Quan hệ quốc tế và chiến tranh thế giới thứ nhất. Qua đó, sinh viên có kiến thức toàn diện và hệ thống về thời kỳ này và lý giải được những sự kiện diễn ra trong giai đoạn lịch sử hiện đại tiếp theo.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Tổng hợp được vấn đề cơ bản của lịch sử thế giới cận đại từ cuộc cách mạng tư sản đầu tiên đến năm 1917.
CLO2	K4	Phân tích được các vấn đề cơ bản của lịch sử thế giới cận đại trong học tập và thực tiễn.
CLO3	S3	Quan sát và giải thích được các sự kiện - hiện tượng lịch sử trong thực tiễn
CLO4	S2	Phát hiện được những vấn đề mới có thể nghiên cứu trong giai đoạn lịch sử thế giới cận đại

7.24. Lịch sử thế giới hiện đại

Mã học phần: 010204004

Số tín chỉ: 3(3,0)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản và hệ thống về lịch sử thế giới từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay: Cách mạng tháng Mười Nga, sự ra đời và phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa; các nước tư bản chủ yếu, chủ nghĩa tư bản hiện đại; chiến tranh thế giới thứ hai; quan hệ quốc tế trước và sau năm 1945; cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật lần thứ hai và xu thế toàn cầu hóa. Các nước Á, Phi, Mỹ latin trong phong trào giải phóng dân tộc và xây dựng phát triển đất nước.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Tổng hợp được các vấn đề cơ bản của lịch sử thế giới hiện đại từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất đến nay.
CLO2	K4	Phân tích được những vấn đề cơ bản của lịch sử thế giới thời hiện đại từ năm 1917 đến nay trong học tập và thực tiễn.
CLO3	S3	Quan sát và giải thích được các hiện tượng, các sự kiện lịch sử.
CLO4	S2	Phát hiện được những vấn đề nghiên cứu trong thời kỳ lịch sử thế giới hiện đại.

7.25. Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại

Mã học phần: 010204005

Số tín chỉ: 3(2,1)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần

Nội dung học phần giới thiệu những vấn đề cơ bản, hệ thống và cốt lõi về lịch sử Việt Nam thời kỳ cổ - trung đại, bao gồm: thời kỳ nguyên thủy, những quốc gia đầu tiên trên lãnh thổ Việt Nam (Văn Lang - Âu Lạc, Champa, Phù Nam), thời kỳ Bắc thuộc và

chống Bắc thuộc, những vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của các triều đại quân chủ ở Việt Nam từ thế kỷ X đến năm 1858 (Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ, Lê Sơ, Mạc, Lê Trung Hưng, Tây Sơn, Nguyễn). Liên hệ nội dung lịch sử cổ - trung đại trong chương trình, sách giáo khoa môn Lịch sử và Địa lí Trung học cơ sở.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Tổng hợp được những vấn đề cơ bản của lịch sử dân tộc từ thời nguyên thủy đến nửa đầu thế kỉ XIX.
CLO2	K4	Chọn lọc được các nội dung cơ bản của lịch sử Việt Nam cổ trung đại vào dạy học và cuộc sống.
CLO3	S3	Phát hiện được các hướng tiếp cận mới trong nghiên cứu và tìm hiểu về lịch sử dân tộc thời kì cổ - trung đại
CLO4	S3	Thuyết trình được các vấn đề lịch sử dân tộc thời cổ - trung đại
CLO5	A3	Có ý thức giữ gìn và phát huy truyền thống của lịch sử dân tộc.

7.26. Lịch sử Việt Nam cận đại

Mã học phần: 010204006

Số tín chỉ: 3(2,1)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần

Học phần giới thiệu khái quát những kiến thức cơ bản của lịch sử dân tộc kể từ khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam (1858) đến cách mạng tháng Tám thành công: quá trình Pháp xâm lược và đô hộ nước ta; bối cảnh lịch sử, sự kiện và nhân vật lịch sử tiêu biểu trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp theo các khuynh hướng cứu nước: phong kiến, tư sản, vô sản; sự ra đời và lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các phong trào cách mạng; Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Thực tế chuyên môn tại các di tích lịch sử, văn hóa liên quan đến nội dung lịch sử của học phần.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Tổng hợp được các vấn đề cơ bản của lịch sử Việt Nam từ năm 1896 đến cách mạng tháng Tám năm 1945.
CLO2	K4	Vận dụng được các nội dung cơ bản của lịch sử Việt Nam cận đại vào dạy học và cuộc sống
CLO3	S3	Có kĩ năng làm việc nhóm trong hoạt động học tập và thực tiễn.
CLO4	S3	Phát hiện được những vấn đề cần tìm hiểu về lịch sử Việt Nam cận đại và xây dựng được báo cáo thực tế chuyên môn
CLO5	A4	Có ý thức giữ gìn và phát huy truyền thống dân tộc.

7.27. Lịch sử Việt Nam hiện đại

Mã học phần: 010204007

Số tín chỉ: 3(2,1)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản của lịch sử dân tộc từ năm 1945 đến nay: Kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954); kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975); tình hình Việt Nam từ sau 1975 đến trước đổi mới; những nét chính về công cuộc đổi mới và công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước từ năm 1986 đến nay.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Tổng hợp được các vấn đề cơ bản của lịch sử Việt Nam hiện đại từ sau cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay.
CLO2	K4	Chọn lọc được các nội dung cơ bản của lịch sử Việt Nam hiện đại vào dạy học và cuộc sống.
CLO3	S3	Xây dựng được đồ dùng trực quan trong dạy học Lịch sử
CLO4	S3	Thuyết trình được các vấn đề lịch sử.
CLO5	A4	Có ý thức giữ gìn và phát huy truyền thống dân tộc.

7.28. Các nền văn minh trên đất nước Việt Nam

Mã học phần: 010204022

Số tín chỉ: 2 (2,0)

Loại học phần: Bắt buộc

a. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần giới thiệu những nét cơ bản về cơ sở hình thành, những thành tựu chính của các nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam: Văn Lang – Âu Lạc, Đại Việt và Chăm-pa. Một số nét khái quát về văn minh châu thổ sông Hồng, sông Cửu Long ngày nay và văn hóa các dân tộc ít người ở nước ta.

b. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Tổng hợp được những vấn đề cơ bản của các nền văn minh trên đất nước Việt Nam thời cổ - trung đại, những biểu hiện về văn hóa các dân tộc, văn minh sông Hồng và sông Cửu Long hiện nay.
CLO2	K4	Lựa chọn được kiến thức của các nền văn minh vào dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở THCS.
CLO3	A4	Trân trọng, giữ gìn và phát huy được các giá trị văn hóa, văn minh của dân tộc trong quá trình hội nhập và xu thế toàn cầu hóa.

7.29. Địa lý tự nhiên đại cương

Mã học phần: 010204009

Số tín chỉ: 4(4:0)

Loại học phần: Bắt buộc

a. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về trái đất: cấu tạo, hình dạng, kích thước trái đất; vận động của trái đất và các hệ quả địa lý; những kiến thức cơ bản về thạch quyển; địa hình bề mặt trái đất; khí quyển và các yếu tố thời tiết và khí hậu; thủy quyển; thổ nhưỡng và sinh quyển

b. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Phân tích được quá trình hình thành Trái Đất, các hiện tượng tự nhiên diễn ra trên bề mặt Trái Đất.
CLO2	K4	Tổng hợp được quy luật vận động, sự phát sinh, phát triển và tác động của các thành phần tự nhiên đến môi trường sống.
CLO3	S3	Khai thác được bản đồ, biểu đồ, số liệu thống kê ... xây dựng được phương án hướng dẫn học sinh tìm hiểu và giải thích các vấn đề địa lý tự nhiên của địa phương.
CLO4	A3	Có ý thức giữ gìn và bảo vệ các nguồn tài nguyên mà thiên nhiên ban tặng. Tích lũy được kiến thức, kỹ năng để phát triển bản thân.

7.30. Địa lý kinh tế - xã hội đại cương

Mã học phần: 010204010

Số tín chỉ: 3 (3,0)

Loại học phần: Bắt buộc

a. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về môi trường và tài nguyên thiên nhiên, những kiến thức về địa lý kinh tế, địa lý dân cư, một số các vấn đề xã hội. Khái quát về tình hình kinh tế xã hội thế giới hiện nay và vận dụng vào phát triển kinh tế xã hội nước ta.

b. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Tổng hợp được các nguồn lực để phát triển kinh tế xã hội trên thế giới và các vấn đề xã hội như dân số, đô thị hóa, tôn giáo, phát triển bền vững... hiện nay
CLO2	K4	Phân tích được sự phát triển và phân bố của các ngành kinh tế, các hình thức tổ chức phát triển các ngành tế trên thế giới và ở nước ta.
CLO3	S3	Xây dựng được một số giải pháp để khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế bền vững ở các quốc gia, khu vực trên Thế giới.
CLO4	S3	Phát hiện được thông tin trong bản đồ, biểu đồ, số liệu thống kê để ứng dụng nghiên cứu địa kinh tế - xã hội và phục vụ công tác giảng dạy.
CLO5	A3	Có trách nhiệm đối với việc giữ gìn, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn tài nguyên đối với phát triển kinh tế xã hội, tham gia vào bảo vệ tài nguyên môi trường và phát triển bền vững.

7.31. Địa lí các châu lục 1

Mã học phần: 010204011

Số tín chỉ: 3(3:0)

Loại học phần: Bắt buộc

a. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản nhất của địa lý toàn cầu; vấn đề toàn cầu hóa, khu vực hóa. Học phần khái quát các vấn đề tự nhiên, đặc điểm nhân văn và các vấn đề kinh tế - xã hội của các châu lục (Châu Phi, Châu Âu, Châu Mỹ) và khái quát về địa lý các khu vực và các quốc gia có nền kinh tế điển hình của từng châu lục.

b. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Tổng hợp được những kiến thức cơ bản về địa lý toàn cầu.
CLO2	K4	Phân tích được các đặc điểm địa lý tự nhiên, dân cư và sự phát triển kinh tế của Châu Phi, Châu Âu, Châu Mỹ.
CLO3	S4	Giải thích được điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của một số khu vực và quốc gia có nền kinh tế điển hình.
CLO4	S3	Xây dựng được các lược đồ, biểu đồ về khí hậu, bảng số liệu thống kê ... để khai thác kiến thức về tự nhiên, dân cư, kinh tế xã hội.

7.32. Địa lí các châu lục 2

Mã học phần: 010204012

Số tín chỉ: 3(3:0)

Loại học phần: Bắt buộc

a. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần khái quát về các vấn đề tự nhiên, đặc điểm nhân văn và các vấn đề kinh tế - xã hội của các châu lục (Châu Nam cực, Châu Đại Dương, Châu Á) và khái quát về địa lý các khu vực và các quốc gia có nền kinh tế điển hình của từng châu lục.

b. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Tổng hợp được các đặc điểm địa lý tự nhiên của châu Nam cực, tự nhiên, dân cư và sự phát triển kinh tế của Châu Đại Dương, Châu Á và của một số quốc gia điển hình.
CLO2	K4	Phân tích được sự ảnh hưởng của yếu tố tự nhiên đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của Châu Đại Dương, Châu Á và của một số quốc gia điển hình.
CLO3	S4	Khai thác được các bản đồ, lược đồ, biểu đồ, bảng số liệu thống kê ... để giải thích được các vấn đề về tự nhiên, dân cư, KTXH.
CLO4	A3	Có ý thức và trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường tự nhiên, tích lũy được kiến thức, kỹ năng sống trong xu thế hội nhập toàn cầu.

7.33. Địa lý tự nhiên Việt Nam

Mã học phần: 010204013

Số tín chỉ: 3(2,1)

Loại học phần: Bắt buộc

a. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lãnh thổ Việt Nam, lịch sử phát triển tự nhiên Việt Nam; những kiến thức cơ bản về tự nhiên (địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật); cung cấp kiến thức chung về tự nhiên của các vùng lãnh thổ (miền Đông Bắc và đồng bằng sông Hồng, miền Tây bắc và Bắc Trung Bộ, miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ)

b. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K4	Phân tích được các đặc điểm chung của tự nhiên, của từng thành phần tự nhiên của Việt Nam
CLO2	K4	Đánh giá được thế mạnh, hạn chế của các thành phần tự nhiên nước ta và mối quan hệ giữa tự nhiên với sự phát triển KT-XH của đất nước
CLO3	S3	Khai thác được kiến thức từ bản đồ, biểu đồ, số liệu thống kê
CLO4	A4	Có trách nhiệm đối với việc giữ gìn, sử dụng tự nhiên, góp phần bảo vệ tài nguyên môi trường và phát triển bền vững.

7.34. Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam

Mã học phần: 010204014

Số tín chỉ: 3(2,1)

Loại học phần: Bắt buộc

a. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần đánh giá khái quát tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam; địa lý dân cư; địa lý nông lâm ngư nghiệp; địa lý công nghiệp; địa lý thương mại và dịch vụ. Cung cấp các kiến thức về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của các vùng kinh tế của Việt Nam như (Trung du Miền núi phía bắc, đồng bằng Sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ, đồng bằng Sông Cửu Long).

b. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K4	Tổng hợp được các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và việc khai thác các lợi thế để phát triển kinh tế theo ngành, theo vùng và từng địa phương cụ thể.
CLO2	K4	Phân tích được hiện trạng phát triển, sự phân bố của các ngành kinh tế. Đưa ra được giải pháp phát triển các ngành, các vùng kinh của Việt Nam.
CLO3	S3	Khai thác được bản đồ, biểu đồ, số liệu thống kê... để nghiên cứu và giải thích các vấn đề về địa lý kinh tế - xã hội.
CLO4	A4	Có ý thức trọng việc giữ gìn, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên tự nhiên. Tham gia vào bảo vệ tài nguyên môi trường và phát triển bền vững.

7.35. Địa lý biển Đông và biển đảo Việt Nam

Mã học phần: 010204015

Số tín chỉ: 2(2:0)

Loại học phần: Bắt buộc

a. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho kiến thức cơ bản về đặc điểm tự nhiên và cách phân vùng biển đông. Các vùng biển, đảo, quần đảo thuộc chủ quyền Việt Nam. Tiềm năng, phương hướng và sự phát triển kinh tế biển. Các vấn đề về khai thác bảo vệ tài nguyên và môi trường biển trong giai đoạn hiện nay.

b. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Tổng hợp được các kiến thức cơ bản về điều kiện địa lý tự nhiên biển đông.
CLO2	K3	Xác định được chủ quyền biển đảo Việt Nam trong vùng biển khu vực và quốc tế.
CLO3	K4	Phân tích được tiềm năng, thế mạnh và phương hướng phát triển tổng hợp kinh tế biển Việt Nam.
CLO4	A4	Trân trọng, giữ gìn và phát huy được các giá trị tài nguyên biển, bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam.

7.36. Thực địa

Mã học phần: 010204019

Số tín chỉ: 1 (0:1)

Loại học phần: Bắt buộc

a. Mô tả học phần

Phần 1: Thực địa Địa lý tự nhiên (khảo sát về khí hậu, thủy văn, khảo sát về thổ nhưỡng - sinh vật, nhận diện lãnh thổ, vẽ phác họa lát cắt tổng hợp)

Phần 2: Thực địa Địa lý Kinh tế xã hội (quan sát các cơ sở kinh tế, tìm hiểu về sản xuất kinh tế đặc trưng của địa phương, tìm hiểu mối quan hệ giữa sản xuất và không gian lãnh thổ các cơ sở sản xuất).

b. Chuẩn đầu ra học phần

STT	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Phân tích được một số tiêu chí, đặc trưng, sự phát triển của các thành phần trong tự nhiên và một số vấn đề kinh tế xã hội ngoài thực tế, cũng như tác động qua lại giữa các thành phần tự nhiên, giữa tự nhiên với kinh tế xã hội
CLO2	K4	Đề xuất được các giải pháp phù hợp để khai thác các nguồn lực tự nhiên và xã hội đáp ứng cho phát triển kinh tế xã hội của địa phương nghiên cứu thực địa
CLO3	S3	Sử dụng được các phương pháp thu thập, xử lý thông tin, phát hiện được vấn đề nghiên cứu; viết và trình bày được báo cáo tổng hợp.
CLO4	S3	Phát triển kỹ năng phối hợp làm việc nhóm, kỹ năng phân tích, tổng hợp và phản biện để giải quyết công việc.

CLO5	A4	Có tính độc lập trong tự học, tự nghiên cứu, trung thực và tự chịu trách nhiệm,
------	----	---

7.37. Lịch sử và địa lí địa phương

Mã học phần: 010204023 Số tín chỉ: 3(2,1) Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần

Học phần giới thiệu những vấn đề lí luận về lịch sử, địa lí địa phương như khái niệm, phương pháp nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn lịch sử, địa lí địa phương cũng như cách biên soạn, giảng dạy bài học lịch sử địa phương ở trường THCS. Cách thức biên soạn lịch sử nhà trường, xây dựng phòng bộ môn và phòng truyền thống. Liên hệ với thực tế lịch sử, địa lí địa phương tại thực địa kết hợp với các học phần lịch sử dân tộc, địa lí Việt Nam.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Tổng hợp được những vấn đề cơ bản về lịch sử, địa lí địa phương nói chung và lịch sử, địa lí địa phương Ninh Bình nói riêng
CLO2	K3	Vận dụng được những vấn đề cơ bản của lịch sử, địa lí địa phương trong học tập và thực tiễn.
CLO3	S4	Sưu tầm, sử dụng được tư liệu để tìm hiểu các vấn đề lịch sử, địa lí địa phương; xây dựng được báo cáo thực tế địa phương. Thực hành tại các di tích lịch sử, văn hóa, làng nghề, danh lam thắng cảnh.
CLO4	S4	Biên soạn và giảng dạy được một số tiết về lịch sử - địa lí địa phương
CLO5	A4	Trân trọng, giữ gìn và phát huy giá trị lịch sử - văn hóa của địa phương

7.38. Thực tế chuyên môn

Mã học phần: 010204024 Số tín chỉ: 1(0,1) Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần

Học phần khái quát về quá trình vận dụng kiến thức Lịch sử Việt Nam vào thực tế chuyên môn tại các di tích lịch sử - văn hóa. Nội dung học phần bao gồm: sự chuẩn bị trước khi thực tế và nội dung, hình thức tiến hành hoạt động thực tế chuyên môn tại các di tích lịch sử - văn hóa.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	S3	Vận dụng được kiến thức của Lịch sử Việt Nam để tìm hiểu giá trị lịch sử, văn hoá tại các địa điểm thực tế.

CLO2	S3	Xây dựng và triển khai được kế hoạch thực tế chuyên môn theo nhóm tại các điểm trong quá trình thực tế chuyên môn.
CLO3	S3	Khai thác được đồ dùng trực quan trong tìm quá trình thực tế tại các di tích lịch sử - văn hóa.
CLO4	S3	Phát hiện được vấn đề nghiên cứu trong quá trình thực tế. Sưu tầm được tư liệu lịch sử để dựng được báo cáo thực tế chuyên môn.

7.39. Đô thị: Lịch sử và hiện tại

Mã học phần: 010204025 Số tín chỉ: 2(2,0) Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về đô thị, đô thị Việt Nam và thế giới thời cổ trung đại, quá trình đô thị hoá thời cận hiện đại; những nét đặc trưng của đô thị ở mỗi giai đoạn. Thông qua đó, sinh viên có được những nhận thức đầy đủ hơn về sự phát triển của đất nước; của nhân loại nói chung ở từng thời kì lịch sử thông qua sự hình thành và phát triển của các đô thị.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Tổng hợp được những vấn đề cơ bản về đô thị thế giới và Việt Nam trong lịch sử và hiện tại
CLO2	K3	Vận dụng được kiến thức về đô thị vào dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường THCS.
CLO3	S2	Phát hiện được một số vấn đề nghiên cứu về đô thị và quá trình đô thị hóa.
CLO4	A4	Có khả năng tự học, tự nghiên cứu về các vấn đề của đô thị trong lịch sử và hiện tại

7.40. Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Lịch sử - Địa lí

Mã học phần: 010204034 Số tín chỉ: 2(1,1) Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên ngành những kiến thức và kỹ năng cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học về lịch sử- địa lý, lĩnh vực dạy học và hoạt động giáo dục lịch sử, địa lý.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	S2	Vận dụng được những vấn đề cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học nói chung, nghiên cứu khoa học ngành lịch sử, địa lí vào học tập và thực tiễn.
CLO2	S2	Phát hiện được các hướng tiếp cận nghiên cứu khoa học lịch sử, địa lý, giáo dục lịch sử - địa lí ở THCS.
CLO3	S3	Triển khai được các vấn đề nghiên cứu và ứng dụng vào trong dạy học lịch sử - địa lí.
CLO4	S3	Có kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả.

CLO5	A4	Có khả năng tự học, tự nghiên cứu, say mê nghiên cứu khoa học.
------	----	--

7.41. Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam

Mã học phần: 010204026

Số tín chỉ: 2(2,0)

Loại học phần: Tự chọn

a) Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, toàn diện, hệ thống về vai trò của Hồ chí Minh với cách mạng Việt Nam. Những vai trò to lớn của Hồ chí Minh với cách mạng Việt Nam như: thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930); cùng Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo nhân dân tiến hành thắng lợi Cách mạng Tháng 8 – 1945; Cùng Trung ương Đảng và chính phủ đề ra đường lối kháng chiến và lãnh đạo nhân dân ta kháng chiến chống Pháp, Mỹ giành thắng lợi.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Tổng hợp được các vấn đề cơ bản về hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh trong tiến trình lịch sử dân tộc
CLO2	K4	Đánh giá được vai trò của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam
CLO3	K4	Lựa chọn được kiến thức về Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam trong dạy học phân môn Lịch sử ở THCS.
CLO4	S3	Có kỹ năng thuyết trình các vấn đề lịch sử.
CLO5	A4	Có ý thức trân trọng, biết ơn, tích cực học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh.

7.42. Làng xã Việt Nam

Mã học phần: 010204027

Số tín chỉ: 2(2,0)

Loại học phần: Tự chọn

a) Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về làng Việt trong lịch sử: những kiến thức khái quát về tên gọi, các giai đoạn phát triển của làng Việt trong lịch sử; những đặc trưng về kinh tế, xã hội, văn hóa của làng Việt truyền thống; về một số yếu tố tác động và biến đổi của làng Việt trong bối cảnh hiện nay.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Khái quát được một số vấn đề về làng xã Việt Nam trong lịch sử.
CLO2	K3	Xác định được đặc trưng về kinh tế, xã hội, văn hóa của làng Việt truyền thống.
CLO3	S2	Phát hiện và triển khai được một số vấn đề nghiên cứu vấn đề về làng Việt trong lịch sử
CLO4	S3	Có kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả.

7.43. Phong trào giải phóng dân tộc thế kỷ XX

Mã học phần: 010204028

Số tín chỉ: 2(2,0)

Loại học phần: Tự chọn

a) Mô tả học phần

Học phần giới thiệu những vấn đề chủ yếu sau: chủ nghĩa thực dân và phong trào giải phóng dân tộc; cuộc đấu tranh giành và bảo vệ độc lập dân tộc của nhân dân Á, Phi, Mỹ Latinh; quá trình xâm lược và thống trị của chủ nghĩa thực dân ở các nước Á, Phi, Mỹ Latinh, chính sách thống trị của chủ nghĩa thực dân và hệ quả của nó đối với các nước thuộc địa, phụ thuộc; phong trào giải phóng dân tộc của các nước thuộc địa và phụ thuộc; quá trình phát triển đi lên xã hội văn minh, tiến bộ, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K4	Tổng hợp những vấn đề cơ bản về phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước ở châu Á, Phi và Mỹ la tinh đầu thế kỷ XX
CLO2	K4	Vận dụng được kiến thức về phong trào giải phóng dân tộc của các nước ở châu Á, Phi và Mỹ la tinh đầu thế kỷ XX vào học tập và thực tiễn
CLO3	S3	Sử dụng được đồ dùng trực quan trong học tập và thực tiễn.
CLO4	A4	Có ý thức giữ gìn và phát huy thành quả mà nhân dân các dân tộc trên thế giới đã đạt được trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc

7.44. Quan hệ quốc tế từ 1945 đến nay

Mã học phần: 010204029

Số tín chỉ: 2(2,0)

Loại học phần: Tự chọn

a) Mô tả học phần

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản và hệ thống về lịch sử quan hệ quốc tế giai đoạn từ 1945 đến nay. Bao gồm những nội dung cơ bản về trật tự hai cực Ianta; Chiến tranh lạnh; trật tự thế giới mới sau Chiến tranh lạnh; các mâu thuẫn và xu hướng phát triển của thế giới hiện nay. Giúp sinh viên có nhận thức toàn diện về một thế giới luôn biến động và khả năng ứng phó nhằm bảo vệ được lợi ích quốc gia trong mọi hoàn cảnh thông qua những bài học rút ra từ lịch sử quan hệ quốc tế.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K4	Tổng hợp những vấn đề cơ bản và hệ thống của lịch sử quan hệ quốc tế từ 1945 đến nay
CLO2	K4	Vận dụng được các kiến thức về quan hệ quốc tế từ 1945 đến nay vào học tập và thực tiễn
CLO3	S4	Sử dụng được đồ dùng trực quan trong học tập và thực tiễn.
CLO4	S3	Có khả năng làm việc nhóm trong học tập và thực tiễn

7.45 Cải cách, duy tân và đổi mới trong lịch sử Việt Nam

Mã học phần: 010204030

Số tín chỉ: 2(2,0)

Loại học phần: Tự chọn

a) Mô tả học phần

Học phần giới thiệu những kiến thức nâng cao và hệ về vấn đề cải cách và đổi mới trong lịch sử Việt Nam: các cuộc cải cách từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XIX, tư tưởng cải cách nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX và quá trình đổi mới tư duy của Đảng từ đại hội VI (1986). Nội dung kiến thức của học phần này là điều kiện để sinh viên tiếp tục tìm nâng cao kiến thức chuyên môn, vận dụng vào giảng dạy và tự nghiên cứu, học tập để nâng cao trình độ.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Tổng hợp được những vấn đề cơ bản về cải cách, duy tân và đổi mới trong lịch sử Việt Nam.
CLO2	K3	Vận dụng được những vấn đề cơ bản về cải cách và đổi mới của lịch sử Việt Nam trong thực tiễn và dạy học lịch sử.
CLO3	S3	Thuyết trình được các vấn đề về cải cách, đổi mới lịch sử trong lịch sử Việt Nam.
CLO4	A4	Có ý thức trân trọng, giữ gìn và phát huy thành quả của quá trình xây dựng và đổi mới đất nước.

7.46. Địa chất

Mã học phần: 010204016 Số tín chỉ: 2(2: 0) Loại học phần: Tự chọn

a. Mô tả học phần

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về;

- Địa chất đại cương như: đối tượng, nhiệm vụ, các phương pháp nghiên cứu địa chất học, cấu tạo và các tính chất vật lý, hóa học của Trái đất, đại cương khoáng vật và đá. Các quá trình địa chất, kiến tạo.

- Địa chất lịch sử: Đối tượng, nhiệm vụ, các phương pháp nghiên cứu và vai trò của địa chất lịch sử; Cơ sở cổ sinh vật, lịch sử phát triển địa chất của lớp vỏ Trái đất.

b. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Tổng hợp được những quy luật phát sinh, phát triển và cấu tạo của Trái Đất cũng như lớp vỏ trái đất.
CLO2	K4	Đánh giá được các tác động của hoạt động địa chất đối với lớp vỏ Trái Đất cũng như sự hình thành một số thành phần tự nhiên.
CLO3	S3	Khai thác được đồ dùng trực quan, chỉ ra được các kiến thức về địa chất để giải thích các hiện tượng và ứng dụng trong dạy học ở trường THCS.

7.47. Giáo dục môi trường

Mã học phần: 010204017 Số tín chỉ: 2(2:0) Loại học phần: Tự chọn

a. Mô tả tóm tắt học phần

- Học phần cung cấp kiến thức về khoa học môi trường bao gồm đối tượng, nhiệm vụ của khoa học môi trường, các khái niệm cơ bản về khoa học môi trường, tài nguyên và

các vấn đề cấp bách. Những khái niệm về sinh thái, các nhân tố sinh thái và ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái lên sinh vật cũng như sự thích nghi của sinh vật đối với môi trường tự nhiên. Đặc điểm mối quan hệ trong quần xã sinh vật. Định nghĩa, cấu trúc và đặc điểm chu trình trao đổi vật chất, năng lượng trong hệ sinh thái

- Một số kiến thức về con người, mối quan hệ giữa con người và môi trường, quan hệ qua lại giữa dân số - con người - tài nguyên, các vấn đề cấp bách về tài nguyên môi trường ở nước ta, vấn đề phát triển bền vững trên thế giới và ở Việt Nam

b. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K3	Hệ thống được những kiến thức cơ bản về môi trường, và mối quan hệ giữa con người, môi trường và tài nguyên thiên nhiên.
CLO2	K4	Phân tích được của gia tăng dân số và phát triển kinh tế đối với môi trường.
CLO3	S3	Quan sát và tìm hiểu được thực trạng nguồn tài nguyên và môi trường Việt Nam.
CLO4	A4	Làm chủ được bản thân, có cách ứng xử chuyên nghiệp với môi trường và trách nhiệm với xã hội.

7.48. Dân số học

Mã học phần: 010204018

Số tín chỉ: 2(2:0)

Loại học phần: Tự chọn

a. Mô tả học phần

Học phần giới thiệu khái niệm, đối tượng nghiên cứu dân số học. Quá trình phát triển dân số, động lực gia tăng dân số, kết cấu và phân bố dân cư. Các hình thái quần cư, sự phát triển dân số trên thế giới và Việt Nam, chính sách dân số của Thế giới và Việt Nam hiện nay.

b. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K3	Hệ thống hóa được các khái niệm, kiến thức cơ bản về dân số và tình hình phát triển, phân bố dân số thế giới và ở nước ta.
CLO2	K4	Phân tích được các thành phần, các yếu tố của dân số và chất lượng dân số, sự phân bố dân cư cũng như mối quan hệ của dân số đối với phát triển kinh tế xã hội.
CLO3	S3	Xây dựng được một số phương pháp thu thập, phân tích và xử lý các số liệu, hiện tượng về dân số.

7.49. Tâm lý học

Mã học phần: 010716018

Số tín chỉ: 4(4,0)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần

Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về tâm lý học đại cương, tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm: Những vấn đề chung của tâm lý học; cơ sở tự nhiên

và cơ sở xã hội của tâm lý người; các khái niệm và các quy luật cơ bản của tâm lý người (tâm lý, ý thức, hoạt động, giao tiếp, nhân cách, nhận thức, tình cảm, ý chí,...); lý luận cơ bản về sự phát triển tâm lý người, đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh trung học cơ sở; một số vấn đề cơ bản của tâm lý học dạy học, tâm lý học giáo dục và tâm lý học nhân cách người giáo viên.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2	Giải thích được những kiến thức cơ bản của tâm lý học, tâm lý học lứa tuổi, tâm lý học sinh trung học cơ sở tâm lý học dạy học, tâm lý học giáo dục và tâm lý học nhân cách người giáo viên.
CLO2	K3	Vận dụng kiến thức tâm lý học trong dạy học và giáo dục học sinh phổ thông; nhận biết và giải thích các hiện tượng tâm lý người, rèn luyện bản thân
CLO3	A3	Tích cực trong thực hiện nhiệm vụ học tập, có khả năng làm việc nhóm, tự học, tự nghiên cứu

7.50. Giáo dục học 1

Mã học phần: 010716019

Số tín chỉ: 3(3,0)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần

Nội dung học phần bao gồm: những vấn đề chung của giáo dục học (các khái niệm, phạm trù, nguyên tắc và phương pháp cơ bản của giáo dục học), lý luận dạy học ở trường trung học cơ sở.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K3	Vận dụng được những vấn đề chung của giáo dục học; lý luận dạy học ở trường trung học cơ sở.
CLO2	K3	Áp dụng những kiến thức về giáo dục học để tìm hiểu hoạt động dạy học; chỉ ra và giải thích vai trò của các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách; xây dựng môi trường giáo dục; nhận xét việc thực hiện hoạt động dạy học ở trường trung học cơ sở.
CLO3	A3	Tích cực trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập, có khả năng làm việc nhóm, có khả năng tự học, tự nghiên cứu. Làm chủ và quản lý được bản thân trong quá trình học tập và công tác.

7.51. Giáo dục học 2

ã học phần: 010716020

Số tín chỉ: 2(1,1)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần

Nội dung học phần bao gồm: Nội dung học phần bao gồm: những vấn đề cơ bản về lý luận giáo dục, công tác giáo viên chủ nhiệm và thực hành tổ chức hoạt động giáo dục ở trường trung học cơ sở.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Vận dụng được những vấn đề cơ bản về lý luận giáo dục, công tác giáo viên chủ nhiệm và thực hành tổ chức hoạt động giáo dục ở trường trung học cơ sở
CLO2	S3	Thiết kế được một số kế hoạch giáo dục ở trường trung học cơ sở.
CLO3	S3	Tổ chức được một số kế hoạch giáo dục ở trường trung học cơ sở
CLO4	A3	Tích cực trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập, làm chủ và quản lý bản thân, có khả năng làm việc nhóm, có khả năng tự học, tự nghiên cứu

7.52. Lý luận và phương pháp dạy học Địa lí

Mã học phần: 010204020

Số tín chỉ: 3(2:1)

Loại học phần: Bắt buộc

a. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp các kiến thức chung về lý luận dạy học địa lý, cung cấp các kiến thức về phương pháp, kỹ năng dạy học địa lý cụ thể. Áp dụng các phương pháp và kỹ năng dạy học vào xây dựng kế hoạch bài giảng ở từng khối lớp và sinh viên thực hành giảng dạy trên lớp.

b. Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K3	Chỉ ra được những kiến thức cơ bản và các kỹ năng sư phạm cần thiết về phương pháp dạy học địa lý
CLO2	K3	Lựa chọn được những kỹ năng và các bước xây dựng, thiết kế kế hoạch bài học địa lý ở trường THCS
CLO3	S3	Tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, thực hiện kiểm tra, đánh giá học sinh ở trường THCS có hiệu quả.
CLO4	S3	Thiết lập, khai thác được đồ dùng trực quan trong học tập và thực tiễn. Có kỹ năng thuyết trình.
CLO5	A4	Có khả năng tự học, tự tích lũy kiến thức, có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm với xã hội.

7.53. Lý luận và Phương pháp dạy học Lịch sử

Mã học phần: 010204021

Số tín chỉ: 3(2,1)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần

Học phần giới thiệu những vấn đề cơ bản về lý luận và phương pháp dạy học Lịch sử. Nội dung học phần gồm: PPDHLS là một khoa học; hình thành tri thức lịch sử cho học sinh; giáo dục tư tưởng, tình cảm; phát triển tư duy, kỹ năng thực hành cho HS qua môn học; hệ thống các PPDHLS; bài học lịch sử; công tác ngoại khoá lịch sử. Chương trình phân môn lịch sử ở THCS; đổi mới về phương pháp dạy học lịch và kiểm tra, đánh giá phân môn lịch sử ở trường THCS theo hướng phát triển năng lực. Thực hành sử dụng đồ

dùng trực quan, tư liệu lịch sử, xây dựng và thực hiện kế hoạch một số bài thuộc phân môn lịch sử ở trường THCS theo hướng phát triển năng lực.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K3	Chỉ ra được những vấn đề cơ bản về lý luận và phương pháp dạy học Lịch sử
CLO2	K3	Liên hệ và phát triển được chương trình phân môn Lịch sử theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.
CLO3	S3	Xây dựng và thực hiện được kế hoạch dạy học, kiểm tra - đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.
CLO4	S3	Thiết lập, khai thác được đồ dùng trực quan trong học tập và thực tiễn.
CLO5	A4	Có khả năng tự học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thực hiện các quy định nghề nghiệp.

7.54. Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử - Địa lí

Mã học phần: 010204034

Số tín chỉ: 2(1,1)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần

Học phần trang bị những nội dung cơ bản về hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học nói chung và trong dạy học Lịch sử - Địa lí nói riêng; Những yêu cầu, hình thức và biện pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học Lịch sử - Địa lí. Xây dựng kế hoạch và thực hiện hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử - Địa lí ở trường THCS.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO 1	K4	Chỉ ra được những vấn đề cơ bản về hoạt động trải nghiệm nói chung và hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử - Địa lí nói riêng theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.
CLO 2	S3	Xây dựng và thực hiện được kế hoạch dạy học trải nghiệm môn Lịch sử và Địa lí ở THCS.
CLO 3	S4	Khai thác được đồ dùng trực quan trong hoạt động dạy học trải nghiệm môn Lịch sử và Địa lí ở trường Trung học cơ sở.
CLO4	A3	Làm chủ và quản lý được bản thân trong học tập và hoạt động nghề nghiệp

7.55. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử - Địa lí

Mã học phần: 010204032

Số tín chỉ: 2(1,1)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần

Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học lịch sử, địa lí ở trường phổ thông như thiết kế bài giảng điện tử, dạy học trực tuyến,... Thực hành ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học lịch sử - và địa lí.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K3	Chỉ ra được những vấn đề cơ bản về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử - Địa lí.
CLO2	S3	Xây dựng được tư liệu dạy học điện tử. Ứng dụng một số phần mềm trong dạy học Lịch sử - Địa lí.
CLO3	S3	Vận dụng được một số ứng dụng hỗ trợ trong dạy học trực tuyến Lịch sử - Địa lí ở trường THCS
CLO4	S3	Có kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả.

7.56. Kiểm tra - đánh giá trong dạy học Lịch sử - Địa lí

Mã học phần: 010204033 Số tín chỉ: 2(1,1) Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần

Học phần giới thiệu những kiến thức về kiểm tra, đánh giá nói chung và đánh giá năng lực trong dạy học Lịch sử - Địa lí nói riêng: hình thức, phương pháp công cụ kiểm tra đánh giá, quy trình thiết kế công cụ, thiết kế và thực hiện bài kiểm tra trắc nghiệm khách quan và tự luận theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K3	Vận dụng được các hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với nội dung và định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí.
CLO2	K3	Chỉ ra được các công cụ kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí.
CLO3	S3	Xây dựng và triển khai thực hiện được kế hoạch kiểm tra đánh giá phù hợp cho một chủ đề/bài học theo hướng phát triển phẩm chất năng lực học sinh.
CLO4	S3	Thiết kế được ma trận đề, bản đặc tả đề, đề kiểm tra đánh giá năng lực học sinh.
CLO5	A4	Khách quan, công bằng trong đánh giá học sinh.

7.57. Dạy học phát triển năng lực môn Lịch sử và Địa lí ở Trung học cơ sở

Mã học phần: 010204036 Số tín chỉ: 2(1;1) Loại học phần: Tự chọn

a) Mô tả học phần

Học phần giới thiệu khái quát về dạy học phát triển năng lực nói chung, dạy học phát triển năng lực môn Lịch sử và Địa lí cấp Trung học cơ sở nói riêng. Các phương pháp và kỹ thuật dạy học môn Lịch sử và Địa lí; Hướng dẫn dạy học các dạng bài và vấn đề kiểm

tra - đánh giá phát triển năng lực môn Lịch sử và Địa lí. Thực hành về dạy học phát triển năng lực trong môn Lịch sử và Địa lí ở Trung học cơ sở.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K4	Phân tích được kiến thức lịch sử, địa lí, lí luận và phương pháp dạy học trong dạy học ở Trung học cơ sở
CLO2	S4	Xây dựng được kế hoạch và tổ chức dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở Trung học cơ sở theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.
CLO3	S3	Áp dụng được phương tiện, kĩ thuật vào dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở Trung học cơ sở
CLO4	S3	Thiết kế và sử dụng được một số công cụ để kiểm tra, đánh giá học sinh theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực.
CLO5	A4	Thể hiện được khả năng tự học, tự tích lũy kiến thức nâng cao trình độ chuyên môn.

7.58. Dạy học tích hợp môn Lịch sử và Địa lí ở Trung học cơ sở

Mã học phần: 010204035

Số tín chỉ: 2(1,1)

Loại học phần: Tự chọn

a) Mô tả học phần

Học phần giới thiệu kiến thức về lý luận dạy học tích hợp liên môn; các chủ đề tích hợp về lịch sử và địa lí ở trường THCS; thực hành thiết kế và tổ chức dạy học một số chủ đề tích hợp trong chương trình Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông THCS.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K4	Tổng hợp được những vấn đề cơ bản về dạy học tích hợp nói chung và dạy học tích hợp trong môn Lịch sử và Địa lí ở THCS.
CLO2	K4	Lựa chọn được nội dạy học tích hợp trong môn Lịch sử và Địa lí ở THCS.
CLO3	S4	Xây dựng và thực hiện được kế hoạch dạy học của các chủ đề tích hợp trong môn Lịch sử - Địa lí ở THCS.
CLO4	S3	Xây dựng được đồ dùng trực quan trong dạy học các chủ đề tích hợp trong môn Lịch sử - Địa lí ở THCS.

7.59. Giao tiếp sư phạm

Mã học phần: 010716003

Số tín chỉ: 2(1;1)

Loại học phần: Tự chọn

a) Mô tả học phần

Nội dung môn học bao gồm những vấn đề chung cơ bản về giao tiếp sư phạm (khái niệm, chức năng, nguyên tắc, nội dung, phương tiện, phong cách giao tiếp sư phạm), kỹ năng giao tiếp sư phạm. Trên cơ sở đó hình thành cho sinh viên kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K2	Diễn giảng những vấn đề cơ bản về giao tiếp sư phạm.
CLO2	K3	Vận dụng những kiến thức cơ bản của giao tiếp sư phạm trong dạy học và giáo dục.
CLO3	S3	Giải quyết được các tình huống nảy sinh trong quá trình giao tiếp sư phạm.
CLO4	S3	Thể hiện được phong cách, kỹ năng giao tiếp sư phạm trong giao tiếp với học sinh và các lực lượng tham gia vào quá trình giáo dục học sinh.
CLO 5	A3	Nghiêm túc, có trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ học tập và hoàn thiện nhân cách.

7.60. Thực hành sư phạm thường xuyên 1

Mã học phần: 010204037

Số tín chỉ: 1(0,1)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần

Học phần giới thiệu về quá trình thực hành, vận dụng kiến thức lịch sử, lí luận và phương pháp dạy học Lịch sử, giáo dục học, tâm lí học vào thực tiễn dạy học chương trình phân môn Lịch sử ở trường THCS. Thực hành các bài dạy lịch sử cụ thể.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K4	Vận dụng được các kiến thức về lí luận và phương pháp dạy học lịch sử để xây dựng được kế hoạch bài học và phát triển chương trình phân môn Lịch sử ở THCS.
CLO2	S4	Thiết kế được kế hoạch bài học, kế hoạch kiểm tra đánh giá phù hợp với chủ đề/bài học trong dạy học phân môn Lịch sử ở THCS.
CLO3	S4	Tổ chức được các hoạt động dạy học phân môn Lịch sử ở trường THCS.
CLO4	S4	Xây dựng và sử dụng được đồ dùng trực quan, hồ sơ tư liệu trong dạy học phân môn Lịch sử
CLO5	A3	Làm chủ được việc thực hiện kế hoạch bài học và các tình huống sư phạm nảy sinh trong quá trình học tập và thực tiễn nghề nghiệp.
CLO6	A4	Có đạo đức nghề nghiệp và thực hiện trách nhiệm xã hội

7.61. Thực hành sư phạm thường xuyên 2

Mã học phần: 010204038

Số tín chỉ: 1(0:1)

Loại học phần: Bắt buộc

a. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần bao gồm các hoạt động thực hành các kĩ năng cần thiết của giáo viên: kĩ năng trình bày bảng, kĩ năng thực hành bộ môn, xác định mục tiêu, nội dung bài dạy, phương pháp tổ chức các hoạt động dạy học, đánh giá kết quả thực hiện dạy học các chủ đề liên quan đến kiến thức Địa lí và các chủ đề tích hợp Lịch sử, Địa lí ở trường THCS. Thực hành tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp.

b. Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K4	Tổng hợp được kiến thức, nguyên tắc và phương pháp dạy học phù hợp đối với mỗi dạng bài cụ thể để xác định mục tiêu, nội dung các chủ đề dạy học ở trường THCS.
CLO2	K4	Vận dụng được kiến thức, phương pháp và các quan điểm dạy học vào thiết kế giáo án và tổ chức các hoạt động dạy học.
CLO3	S4	Thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học các chủ đề về địa lí và dạy học tích hợp lịch sử, địa lí ở trường THCS.
CLO4	S4	Thiết lập và khai thác được đồ dùng trực quan trong dạy Địa lí.
CLO5	A4	Có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm với xã hội.

7.62. Thực tập sư phạm 1

Mã học phần: 010204039

Số tín chỉ: 3(0;3)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần

Học phần bao gồm các hoạt động thực tập dạy học và giáo dục ở THCS như: lập kế hoạch thực tập dạy học và giáo dục; tổ chức tìm hiểu thực tế giáo dục, chuẩn bị bài dạy, thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục, dạy học; thực hiện việc dự giờ, quan sát và tham gia vào các hoạt động giáo dục do giáo viên thực hiện; rút kinh nghiệm giờ dạy và các hoạt động giáo dục. Hoàn thành bài tập nghiên cứu khoa học giáo dục; tổng kết đánh giá thực tập sư phạm.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CDR học phần	TĐNL	Mô tả CDR học phần
CLO1	K4	Vận dụng được các kiến thức về tâm lí học, giáo dục học, lí luận và phương pháp dạy học lịch sử, địa lí trong quá trình thực tập ở THCS.
CLO2	S3	Xây dựng được kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường THCS.
CLO3	S4	Xây dựng được kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá, dạy học trải nghiệm môn Lịch sử và Địa lí ở trường THCS theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.
CLO4	S3	Ứng dụng được công nghệ thông tin trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở Trung học cơ sở.

CLO5	S3	Phát hiện và giải quyết được các vấn đề nghiên cứu trong quá trình giáo dục và giảng dạy tại trường THCS
CL6	S4	Xây dựng và sử dụng được đồ dùng trực quan trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí.
CLO7	S3	Xây dựng được báo cáo thực tập, bài tập tâm lí sau khi hoàn thành thực tập sư phạm 1
CLO8	A4	Yêu nghề, có thái độ thân thiện, công bằng với học sinh; làm chủ bản thân trong công việc.
CLO9	A4	Có ý thức học hỏi, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp.

7.63. Thực tập sư phạm 2

Mã học phần: 010204040

Số tín chỉ: 5(0;5)

Loại học phần: Bắt buộc

a) Mô tả học phần

Học phần bao gồm các hoạt động thực tập dạy học và giáo dục ở THCS như: lập kế hoạch thực tập dạy học và giáo dục; tổ chức tìm hiểu thực tế giáo dục, chuẩn bị bài dạy, thiết kế các hoạt động giáo dục; thực hiện việc dự giờ, quan sát và tham gia vào các hoạt động giáo dục do giáo viên thực hiện; rút kinh nghiệm giờ dạy và các hoạt động giáo dục. Học phần này còn bao gồm các hoạt động lên lớp dạy học, rút kinh nghiệm các giờ dạy, tổ chức các hoạt động giáo dục khác và rút kinh nghiệm các hoạt động giáo dục đã thực hiện; hoàn thành bài tập nghiên cứu khoa học giáo dục; tổng kết đánh giá thực tập sư phạm.

b) Chuẩn đầu ra học phần

CĐR học phần	TĐNL	Mô tả CĐR học phần
CLO1	K4	Vận dụng được các kiến thức về tâm lí học, giáo dục học, lí luận và phương pháp dạy học lịch sử, địa lí trong quá trình thực tập ở THCS.
CLO2	S3	Xây dựng được kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường THCS.
CLO3	S4	Xây dựng được kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá, dạy học trải nghiệm môn Lịch sử và Địa lí ở trường THCS theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.
CLO4	S3	Ứng dụng được công nghệ thông tin trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí ở Trung học cơ sở.
CLO5	S3	Phát hiện và giải quyết được các vấn đề nghiên cứu trong quá trình giáo dục và giảng dạy tại trường THCS
CL6	S4	Xây dựng và sử dụng được đồ dùng trực quan trong dạy học môn Lịch sử và Địa lí.
CLO7	S4	Thực hiện được kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, xử lí các tình huống sư phạm trong hoạt động nghề nghiệp
CLO8	S3	Xây dựng được báo cáo thực tập, bài tập tâm lí sau khi hoàn thành thực tập sư phạm 1

CLO9	A4	Yêu nghề, có thái độ thân thiện, công bằng với học sinh; làm chủ bản thân trong công việc.
CLO10	A4	Có ý thức học hỏi kỹ năng nghề nghiệp; có trách nhiệm thực hiện và giữ gìn đạo đức nhà giáo.

8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

8.1. Cơ sở điều chỉnh, cập nhật Chương trình đào tạo:

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử - Địa lí được điều chỉnh, cập nhật dựa trên:

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Thông tư 04/2016/TT – BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục của giáo dục đại học;
- Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục & Đào tạo; Quyết định 435/QĐ – ĐHHL, ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Hiệu Trưởng trường Đại học Hoa Lư ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.
- Chương trình môn Lịch sử và Địa lí ở trường Trung học Cơ sở.
- Căn cứ vào năng lực, điều kiện thực tế của Khoa/Nhà trường.

8.2. Định hướng sinh viên hoàn thành chương trình:

- Thời gian học tập theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa là 4 năm.
- Thời gian học tập tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học không vượt quá 2 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa của chương trình đào tạo.
- Tổ chức đăng ký học tập:
 - + Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, sinh viên đăng ký các lớp học phần dự định sẽ học trong học kỳ, gồm: những học phần mới, một số học phần chưa đạt (để học lại) và một số học phần đã đạt (để cải thiện điểm, nếu có) căn cứ danh sách học phần được mở và điều kiện đăng ký của mỗi học phần.
 - + Khối lượng học tập mỗi sinh viên phải đăng ký trong học kỳ được quy định như sau:
 - Khối lượng tối thiểu không ít hơn 2/3 khối lượng trung bình trong một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn;
 - Khối lượng tối đa không vượt quá 3/2 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn.
 - + Có 2 loại học phần bắt buộc và tự chọn. Học phần bắt buộc, yêu cầu sinh viên phải đạt, học phần tự chọn, nếu sinh viên thi lại không đạt, có thể đăng ký học phần tự chọn khác trong cùng nhóm.

+ Các quy định khác, sinh viên thực hiện theo quy định trong quy chế đào tạo của nhà trường.

8.3. Trách nhiệm của các bên liên quan:

Trách nhiệm của Khoa/bộ môn/Nhà trường: Định kỳ rà soát hiệu chỉnh theo quy định nhằm đáp ứng sự phát triển của ngành và yêu cầu của xã hội (thực hiện theo bộ quy trình quản lý hoạt động xây dựng, chỉnh sửa, cập nhật chương trình, chuẩn đầu ra các ngành đào tạo, ban hành kèm theo quyết định 654/QĐ- ĐHHL ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư).

Khoa/bộ môn triển khai thực hiện chương trình dựa trên kế hoạch giảng dạy, tiến trình đào tạo và đăng ký khối lượng học tập của sinh viên theo đúng quy chế đào tạo hiện hành.

Trách nhiệm của giảng viên: Thực hiện dạy học theo đúng đề cương chi tiết đã ban hành, đáp ứng tốt chuẩn đầu ra của học phần, kiểm tra đánh giá chính xác mức độ đạt chuẩn đầu ra tương ứng mức năng lực đã công bố. Tích cực đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động của sinh viên.

Trách nhiệm của sinh viên: Thực hiện đúng kế hoạch học tập dưới sự hướng dẫn trực tiếp của cố vấn học tập. Tích cực, chủ động trong học tập, nghiên cứu khoa học. Thực hiện đúng yêu cầu của mỗi học phần được quy định trong đề cương chi tiết. *lưu*

Ninh Bình, ngày 30 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

TS. Vũ Văn Trường

PHỤ LỤC 1. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh	Học vị, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần đảm nhiệm
1	Phan Thị Hồng Duyên	1970	GVC	Tiến sĩ 2012	LL và PPDHB MLLCT	1. Triết học Mác- Lênin 2. Lịch sử tư tưởng Việt Nam 3. Logic học đại cương
2	Đỗ Thị Yên	1985	GV	Thạc sĩ 2012	Kinh tế chính trị	1. Kinh tế chính trị Mác – Lênin 2. PLĐC, QLHCNN & quản lí ngành GDĐT
3	Vũ Tuệ Minh	1984	GV	Thạc sĩ 2013	Triết học	1. Chủ nghĩa xã hội khoa học 2. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam
4	Đoàn Sỹ Tuấn	1978	GVC	Tiến sĩ 2019	Lý luận và Phương pháp dạy học GDCT	1. Triết học Mác- Lênin 2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh
5	Nguyễn Thị Thu Dung	1988	GV	Thạc sĩ 2013	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	1. Lịch sử đảng Cộng sản Việt Nam 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	Đào Thị Thu Phương	1985	GV	Thạc sĩ 2015	Quản lý giáo dục	1. PLĐC, QLHCNN & quản lí ngành GDĐT
7	Vũ Thị Hương Giang	1984	GVC	Thạc sĩ 2013	Triết học	1. Triết học Mác- Lênin 2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin 3. Đạo đức và phương pháp dạy đạo đức ở tiểu học
8	Lê Thị Lan Anh	1985	GVC	Thạc sĩ 2015	Triết học	1. Triết học Mác- Lênin 2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin 3. Lịch sử tư tưởng Việt Nam
9	Phạm Thanh Xuân	1982	GV	Thạc sĩ 2011	Lý luận và Phương pháp dạy học GDCT	1. Chủ nghĩa xã hội khoa học 2. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam 3. PLĐC, QLHCNN & quản lí ngành GDĐT
10	Hoàng Diệu Thúy	1976	GVC	Tiến sĩ 2019	Hồ Chí Minh học	1. Triết học Mác- Lênin 2. Tư tưởng HCM 3. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong giáo dục mầm non.

11	Dương Trọng Hạnh	1969	GVC	Thạc sĩ 2010	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	1. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam
12	Nguyễn Thị Thu Thủy	1991	GV	Thạc sĩ 2021	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	1. Kinh tế chính trị Mác – Lênin 2. PLĐC, QLHCNN & quản lí ngành GDĐT
13	Phạm Thu Quỳnh	1988	GV	Thạc sĩ 2017	Hành chính	1. PLĐC, QLHCNN & quản lí ngành GDĐT
14	Bùi Thị Thu Hiền	1987	GV	Thạc sĩ 2013	Triết học	1. Triết học Mác- Lênin 2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin 3. Logic học đại cương
15	Nguyễn Thị Hào	1985	GVC	Thạc sĩ 2012	Triết học	1. Triết học Mác- Lênin 2. PLĐC, QLHCNN & quản lí ngành GDĐT 3. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong giáo dục mầm non.
16	Nguyễn Thúy Mai	1988	GV	Thạc sĩ 2013	Kinh tế chính trị	1. Kinh tế chính trị Mác – Lênin 2. PLĐC, QLHCNN & quản lí ngành GDĐT
17	Lê Thị Ngọc Thùy	1983	GVC	Thạc sĩ 2013	Lịch sử Đảng Đảng Cộng sản Việt Nam	1. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam 2. Tư tưởng HCM 3. PLĐC, QLHCNN & quản lí ngành GDĐT
18	Bùi Duy Bình	1976	GVC	Thạc sĩ 2007	Lý luận và Phương pháp dạy học GDCT	1. Chủ nghĩa xã hội khoa học 2. Đạo đức và phương pháp dạy đạo đức ở tiểu học
19	Phan Thị Thu Nhài	1985	GV	Thạc sĩ 2015	Luật kinh tế	1. PLĐC, QLHCNN & quản lí ngành GDĐT 2. Luật kinh tế 3. Pháp luật đại cương
20	Vũ Thị Hồng	1978	GVC	Thạc sĩ 2007	Tâm lý học	1. Giao tiếp sư phạm
21	Nguyễn Thị Nguyệt	1976	GVC	Thạc sĩ 2007	Tâm lý học	1. Giáo dục học 1 2. Giáo dục học 2 3. Giao tiếp sư phạm
22	Phạm Thị Trúc	1980	GVC	Thạc sĩ 2011	Tâm lý học	1. Giao tiếp sư phạm 2. Tâm lý học
23	Nguyễn Thị Thịnh	1981	GVC	Tiến sĩ 2016	Tâm lý học xã hội	1. Tâm lý học

24	Trần Thị Tân	1990	GV	Thạc sĩ 2015	Tâm lý học	1. Giáo dục học 1 2. Giáo dục học 2
25	Nguyễn Thị Minh Ngọc	1977	GVC	Thạc sĩ 2007	Giáo dục học	1. Giáo dục học 1 2. Giáo dục học 2
26	Đỗ Thị Hồng Thu	1984	GV	Thạc sĩ 2012	Việt Nam học	1. Cơ sở văn hóa Việt Nam 2. Dân tộc học đại cương
27	Trần Thị Thu	1984	GV	Thạc sĩ 2016	Văn hóa học	1. Cơ sở văn hóa Việt Nam
28	Nguyễn Thị Hằng	1985	GV	Thạc sĩ 2019	Việt Nam học	1. Cơ sở văn hóa Việt Nam 2. Dân tộc học đại cương
29	Nguyễn Thị Hồng Nhung	1985	GVC	Thạc sĩ 2018	Việt Nam học	1. Cơ sở văn hóa Việt Nam
30	Dương Thị Dung	1987	GV	Thạc sĩ 2016	Văn hóa học	1. Cơ sở văn hóa Việt Nam
31	Nguyễn Hồng Thủy	1991	GV	Thạc sĩ 2022	Việt Nam học	1. Cơ sở văn hóa Việt Nam 2. Dân tộc học đại cương
32	Đàm Thu Vân	1983	GVC	Thạc sĩ 2015	Xã hội học	1. Xã hội học đại cương
33	Phạm Thị Thanh	1981	GVC	Thạc sĩ 2011	Khoa học máy tính	1. Tin học đại cương
34	Nguyễn Tất Thắng	1979	GVC	Thạc sĩ 2013	LL&PPDH Bộ môn Tin học	1. Tin học đại cương
35	Nguyễn Thị Hồng Tuyên	1978	GVC	Thạc sĩ 2009	Tiếng Anh	Tiếng Anh 1,2,3
36	Mai Thị Thu Hân	1981	GVC	Thạc sĩ 2010	Tiếng Anh	Tiếng Anh 1,2,3
37	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	1984	GVC	Thạc sĩ 2010	Tiếng Anh	Tiếng Anh 1,2,3
38	Dương Thị Ngọc Anh	1977	GVC	Thạc sĩ 2009	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 1,2,3
39	Nguyễn Thị Miên	1986	GV	Thạc sĩ 2012	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 1,2,3
40	Hoàng Thị Tuyết	1978	GVC	Thạc sĩ 2014	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 1,2,3
41	Đinh Thị Thùy Linh	1987	GV	Thạc sĩ 2014	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 1,2,3

42	Bùi Thị Nguyên	1983	GV	Thạc sĩ, 2018	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 1,2,3
43	Đinh Thị Thu Huyền	1983	GV	Thạc sĩ 2017	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 1,2,3
44	Nguyễn Thị Lệ Thu	1988	GV	Thạc sĩ 2017	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 1,2,3
45	Phạm Đức Thuận	1980	GV	Tiến sĩ, 2022,	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 1,2,3
46	Nguyễn Thị Hoàng Huệ	1982	GVC	Thạc sĩ 2012	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 1,2,3
47	Đặng Thanh Điềm	1989	GV	Thạc sĩ 2021	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 1,2,3
48	Nguyễn Thị Liên	1983	GVC	Thạc sĩ 2010	Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh 1,2,3
49	Nguyễn Thị Huệ	1989	GV	Thạc sĩ 2012	Tiếng Anh	Tiếng Anh 1,2,3
50	Phạm Thanh Tâm	1984	GV	Thạc sĩ 2016	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 1,2,3
51	Nguyễn Thị Thúy Huyền	1986	GVC	Thạc sĩ 20123	Tiếng Anh	Tiếng Anh 1,2,3
52	Lê Hồng Phượng	1978	GVC	Thạc sĩ 2015	Quản lý hành chính	Giáo dục thể chất 1,2,3
53	Đoàn Thị Thơm	1983	GV	Thạc sĩ 2014	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 1,2,3
54	Đinh Thị Hoa	1982	GV	Thạc sĩ 2011	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 1,2,3
55	Nguyễn Văn Hiếu	1983	GV	Thạc sĩ 2015	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 1,2,3
56	Đinh Thành Công	1985	GVC	Thạc sĩ 2013	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 1,2,3
						1. Khảo cổ học và nhập môn Lịch sử - Địa lí 2. Lịch sử Việt Nam cổ trung 3. Lịch sử Việt Nam cận đại 4. Lịch sử Việt Nam hiện đại 5. Một số vấn đề về làng xã Việt Nam

57	Đinh Văn Viễn	1979	GVC	Tiến sĩ 2019	Lịch sử Việt Nam	6.Đô thị: Lịch sử và hiện tại 7.Cải cách, duy tân, đổi mới trong lịch sử Việt Nam 8.Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam 9.Quan hệ quốc tế từ 1945 đến nay 10. Phong trào giải phóng dân tộc thế kỷ XX 11.Lịch sử và địa lí địa phương 12.Lí luận và phương pháp dạy học Lịch sử - Dạy học tích hợp Lịch sử - Địa lí 13. Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử - Địa lí. 14.Kiểm tra - đánh giá trong dạy học Lịch sử - Địa lí 15.Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Lịch sử - Địa lí
58	Phạm Thị Loan	1977	GV	Thạc sĩ 2004	Lịch sử Việt Nam	1.Khảo cổ học và nhập môn Lịch sử - Địa lí 2. Lịch sử thế giới cổ - trung đại 3. Lịch sử Việt Nam cổ trung 4. Lịch sử Việt Nam cận đại Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam 5.Cải cách, duy tân, đổi mới trong lịch sử Việt Nam 6. Quan hệ quốc tế từ 1945 đến nay 7. Lịch sử và địa lí địa phương 8. Các nền văn minh trên đất nước Việt Nam 9. Lịch sử thế giới cận đại 10. Lịch sử Việt Nam hiện đại 11. Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam 12. Phong trào giải phóng dân tộc thế kỷ XX
59	Nguyễn Thanh Hòa	1983	GVC	Thạc sĩ 2009		1. Khảo cổ học và nhập môn Lịch sử - Địa lí 2.Lịch sử thế giới cận đại 3. Lịch sử thế giới hiện đại Lịch sử - Địa lí

					Lịch sử Việt Nam	4. Lịch sử văn minh thế giới. 5. Lịch sử thế giới cổ - trung đại 6. Lịch sử Việt Nam cổ trung 7. Lịch sử Việt Nam cận đại 8. Lịch sử Việt Nam hiện đại 9. Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam 10. Làng xã Việt Nam 11. Cải cách, duy tân, đổi mới trong lịch sử Việt Nam 12. Quan hệ quốc tế từ 1945 đến nay 13. Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Lịch sử - Địa lí
60	Lương Duy Quyền	1981	GVC	Thạc sĩ 2006	Lịch sử Việt Nam	1. Lịch sử văn minh. 2. Làng xã Việt Nam 3. Cải cách, duy tân, đổi mới trong lịch sử Việt Nam 4. Thực tế chuyên môn 5. Lịch sử và địa lí địa phương 6. Các nền văn minh trên đất nước Việt Nam 7. Lịch sử Việt Nam hiện đại
61	Lương Thị Tú	1986	GV	Thạc sĩ 2015	Lịch sử thế giới	1. Lịch sử văn minh thế giới. 2. Lịch sử thế giới cận đại 3. Lịch sử thế giới hiện đại 4. Lịch sử Việt Nam cận đại 5. Lịch sử Việt Nam cổ trung 6. Lịch sử Việt Nam cận đại 7. Quan hệ quốc tế từ 1945 đến nay 8. Làng xã Việt Nam 9. Phong trào giải phóng dân tộc thế kỷ XX 10. Đô thị: Lịch sử và hiện tại 11. Thực tế chuyên môn 13. Thực hành sư phạm thường xuyên 1 14. Lí luận và phương pháp dạy học Lịch sử

62	Lê Thị Huệ	1977	Giảng viên chính	Thạc sĩ 2007	LL&PPDH Lịch sử	1. Lịch sử văn minh. 2. Lịch sử thế giới cổ - trung đại 3. Lịch sử Việt Nam hiện đại 4. Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam 5. Lí luận và phương pháp dạy học Lịch sử 6. Dạy học tích hợp môn Lịch sử và Địa lí ở THCS 7. Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử - Địa lí. 8. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử - Địa lí 9. Kiểm tra - đánh giá trong dạy học Lịch sử - Địa lí 10. Dạy học tích hợp môn Lịch sử và Địa lí ở THCS 12. Thực tế chuyên môn 13. Thực hành sư phạm thường xuyên 1
63	Nguyễn Thị Thu Giang	1977	Giảng viên chính	Thạc sĩ 2005	LL&PPDH Địa lí	1. Phương pháp dạy học địa lí 2. Thực hành sư phạm thường xuyên 2 3. Địa chất 4. Địa lí tự nhiên đại cương 5. Địa lý tự nhiên Việt Nam 6. Địa lí kinh tế xã hội Việt Nam 7. Địa lí các châu1 8. Địa lí các châu2 9. Địa lí kinh tế xã hội đại cương 10. Thực địa 11. Bản đồ 12. Dạy học tích hợp môn Lịch sử và Địa lí ở THCS
64	Hoàng Đức Hoan	1977	GV	Thạc sĩ 2004	Địa lý kinh tế	1. Địa lí kinh tế xã hội đại cương 2. Thực địa 3. Bản đồ 4. Dân số 5. Địa lí biển Đông và biển đảo Việt Nam 6. Địa lí tự nhiên Việt Nam 7. Địa lí kinh tế xã hội Việt Nam

						8. Địa lí các châu 9. Địa lý các châu 10. Kiểm tra - đánh giá trong dạy học Lịch sử - Địa lí
65	Phạm Xuân Lê Đồng	1976	GV	Thạc sĩ, 2007	LL&PPDH Địa lí	1. Địa lí kinh tế xã hội đại cương 2. Thực địa 3. Bản đồ 4. Dân số 5. Địa lí biển Đông và biển đảo Việt Nam 6. Địa chất 7. Địa lí tự nhiên đại cương 8. Địa lí tự nhiên Việt Nam 9. Địa lí kinh tế xã hội Việt Nam

PHỤ LỤC 2. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

2.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, giáo trình

2.2.1 Phòng học giảng đường, phòng thí nghiệm, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

T T	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/ môn học
1	Phòng học tiếng Anh	01	75m ² /phòng	- Máy tính	41	Tiếng Anh 1, 2, 3
				- Tai nghe	41	
				- Loa đài, đĩa	05	
2	Giảng đường	G1, 18	75m ² /phòng (2 phòng 150m ² /phòng)	- Máy chiếu	34	- Các học phần thuộc chương trình đào tạo
		G2, 15		- Hệ thống tăng âm	02	
		G4, 14		- Bảng viết	32	
3	Phòng thực hành máy tính	4	75m ² /phòng	- Máy tính	164	- Tin học đại cương - Ứng dụng CNTT trong GDMN
				- Các thiết bị đi kèm	164	

2.2.2. Thư viện

- Tổng diện tích thư viện: 1.242m² (gồm 6 phòng: Phòng Giáo trình, phòng Tham khảo, phòng Sách giáo khoa, phòng Dự án phát triển giáo viên Tiểu học, phòng Ngoại văn, phòng Tài liệu nội sinh - Tạp chí).

- Diện tích phòng đọc: 170 m²

- Số chỗ ngồi: 150 chỗ.

- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 10 máy.

- Thư viện điện tử: Quản lý toàn bộ các hoạt động nghiệp vụ bằng máy vi tính (xử lý nghiệp vụ thư viện theo chuẩn quốc gia, mượn trả tài liệu, tra cứu, quản lý bạn đọc, in thẻ, quyết mã vạch,...).

- Trang tra cứu OPAC của Thư viện Trường đã kết nối internet với một số thư viện đại học trong nước (*Thư viện quốc gia Việt Nam; Trung tâm thông tin Thư viện Quốc gia Hà Nội, Thư viện Đại học Sư phạm Hà Nội; Trung tâm học liệu Đại học Thái Nguyên*).

- Nhà trường có cơ sở dữ liệu để tra cứu tài liệu liên quan đến giảng dạy và nghiên cứu gồm: CSDL của Thư viện Đại học Hoa Lư và CSDL của Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào, Trường Đại học Vinh.

- Phần mềm thư viện điện tử tích hợp ILIB.

- Số lượng sách/tài liệu in ấn: 8.900 đầu với 140.000 bản.

Trong đó: sách giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ đào tạo hệ đại học, cao đẳng có hơn 8.000 đầu với hơn 127.000 bản. Sách phổ thông có hơn 900 đầu với gần 13.000 bản.

- Nguồn học liệu số: Được quyền khai thác, sử dụng trên CSDL của Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào, Trường Đại học Vinh.

2.2. Danh mục sách, bài giảng, giáo trình của ngành đào tạo

TT	Tên giáo trình, tài liệu	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học
1	Giáo trình Triết học Mác – Lênin (Sử dụng trong các trường đại học- hệ không chuyên Lý luận chính trị)	Bộ GD&ĐT	Chính trị quốc gia sự thật	2021	200	Triết học Mác – Lênin
2	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin	Bộ GD&ĐT	Chính trị Quốc gia	2014	400	
3	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội	2021	200	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
4	Dành cho bậc đại học –hệ không chuyên Lý luận chính trị. Tài liệu phục vụ tập huấn chuyên ngành tháng 8 năm 2019.	Ngô Tuấn Nghĩa (Chủ biên), Nguyễn Khắc Thanh, Đoàn Xuân Thủy		2019	1	
5	Hướng dẫn ôn thi hiệu quả môn Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Dành cho sinh viên đại học không chuyên lý luận chính trị	Ngô Thái Hà (Chủ biên), Đào Thị Ngọc Minh, Hoàng Thị Thịnh	Nxb ĐHSP Hà Nội	2021	50	
6	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản	Nguyễn Việt Thông (Ch.b),	Nxb	2011	29	

	của Chủ nghĩa Mác-Lê nin	Bành Tiến Long, Trần Thị Hà	Chính trị Quốc gia			
7	Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ GD&ĐT	Nxb Chính trị Quốc gia	2021	200	Chủ nghĩa xã hội khoa học
8	Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học	Đỗ Nguyên Phương (Ch.biên), Đỗ Công Tuấn, Nguyễn Đức Bách	Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2005	1	
9	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Đỗ Nguyên Phương, Nguyễn Viết Thông	Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2008	1	
10	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh, Dành cho bậc đại học hệ không chuyên Lý luận chính trị	Bộ GD&ĐT	Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội	2021	200	Tư tưởng Hồ Chí Minh
11	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ GD&ĐT	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	2009	10	
12	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ GD&ĐT	Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội	2005	15	
13	Giáo trình lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (Dành cho bậc đại học không chuyên lý luận chính trị)	Bộ GD&ĐT	Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội	2021	200	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
14	Giáo trình lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam: Dành cho các trường Đại học, cao đẳng	Lê Mậu Hãn, Trình Mưu	Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2005	1	
15	Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đào Duy Tùng, Nguyễn Đức Bình	Nxb	2001	1	

			Chính trị Quốc gia, Hà Nội			
16	Giáo trình pháp luật đại cương	Lê Minh Toàn	Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2020	203	Pháp luật đại cương, quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo
17	Giáo trình quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành Giáo dục & Đào tạo	Phạm Viết Vượng (Cb)	Nxb ĐHSP	2006	80	
18	Giáo trình pháp luật đại cương	Bộ GD&ĐT	Nxb ĐHSP	2016	10	
19	Hiến pháp Nước cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013		Nxb Chính trị Quốc gia	2014	20	
20	Logic học đại cương	Nguyễn Thúy Vân, Nguyễn Anh Tuấn	Nxb ĐHQG Hà Nội.	2009	9	Logic học đại cương
21	Logic học đại cương	Vương Tất Đạt	Nxb Thế giới	2007	21	
22	English grammar in use: 130 bài ngữ pháp tiếng Anh thông dụng	Raymond Murphy, Hồng Đức (Dịch)	Nxb Đại học Quốc gia	2015	17	Tiếng Anh 1
23	Smart Choice 2, Student's Book and Workbook, 3rd Edition	Ken Wilson, Thomas Healy	Oxford University	2019	20	
24	New Headway Pre-Intermediate (Student's Book + Workbook) The Third edition	Liz & John Soars, Lê Thuý Hiền (Giới thiệu)	Nxb Khoa học xã hội	2009	147	
25	Cambridge Key English Tests (KET), Books 1-3	Nhiều tác giả	Cambridge University Press	2010	18	
26	New English File: Pre- Intermediate	Clive Oxeden, Christina Latham-	Nxb Văn hóa - Thông tin	2014	10	

	(Textbook + Workbook)	Koeing, Paul Seligson				
27	Smart Choice 2, Student's Book and Workbook, 3rd Edition	Ken Wilson, Thomas Healy	Oxford University	2019	20	Tiếng Anh 2
28	Smart Choice 3 (Student book + Workbook)	Ken Wilson, Mike Boyle	Oxford University Press	2019	19	
29	New English File: Pre- Intermediate (Textbook + Workbook)	Clive Oxeden, Christina Latham-Koeing, Paul Seligson	Nxb Văn hóa - Thông tin	2014	10	
30	New English File: Intermediate (Student book)	Clive Oxeden, Christina Latham-Koeing, Paul Seligson	Oxford University Press	2014	7	
31	Cambridge Key English Tests (KET), Books 4-5,	Nhiều tác giả	Cambridge University Press	2010	18	
32	Cambridge Preliminary English Tests: with answers, T2	Nhiều tác giả	Cambridge University Press	2010	356	
33	Cambridge Preliminary English Tests: with answers, T3	Nhiều tác giả	Cambridge University Press	2013	333	
34	Smart Choice 3 (Student book + Workbook)	Ken Wilson, Mike Boyle	Oxford University	2019	19	Tiếng Anh 3
35	Destination B1, Grammar and Vocabulary with Answer Key, in lần thứ 9	Mann, M., & Taylore, S.	Oxford: MacMillan Education	2015	26	
36	New English File: Intermediate (Student book)	Clive Oxeden, Christina Latham-Koeing, Paul Seligson	Oxford University Press	2014	7	
37	New English File: Intermediate (Work book)	Clive Oxeden, Christina Latham-Koeing, Paul Seligson	Nxb Văn hóa - Thông tin	2014	7	

38	English grammar in use: 130 bài ngữ pháp tiếng Anh thông dụng	Raymond Murphy, Hồng Đức (Dịch)	Nxb Đại học Quốc gia	2015	17	
39	Cambridge Preliminary English Tests 4,5,6: with answers,	Nhiều tác giả	Cambridge University Press	2015	25	
40	Giáo trình Tâm lí học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), Nguyễn Văn Lũy, Đinh Văn Vang	Nxb ĐHSP	2017	30	Tâm lý học
41	Tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm	Lê Văn Hồng (chủ biên), Lê Ngọc Lan, Nguyễn Văn Thành	Nxb thế giới	2012	202	
42	Giáo trình Tâm lí học đại cương	Nguyễn Xuân Thức (chủ biên)	Nxb ĐHSP	2017	530	
43	Giao tiếp sư phạm	Trần Quốc Thành, Nguyễn Đức Sơn, Nguyễn Thị Huệ, Hoàng Anh Phước, Vũ Thị Ngọc Tú, Nguyễn Thị Hải Thiện	Nxb ĐHSP	2021	50	
44	Giáo trình Giáo dục học (Tập 1)	Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên)	Nxb Đại học sư phạm	2012	10	Giáo dục học 1
45	Những vấn đề chung của Giáo dục học	Thái Duy Tuyên	Nxb ĐHSP	2008	15	
46	Bài tập giáo dục học	Phạm Viết Vượng	Nxb ĐHSP	2008	30	
47	Giáo trình Giáo dục học (Tập 2)	Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên)	Nxb Đại học sư phạm	2012	500	Giáo dục học 2
48	Công tác của người giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông	Hà Nhật Thăng Nguyễn Thị Kỉ, Nguyễn Đức Quang	Nxb GD Việt Nam	2009	20	
49	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	Phạm Trung Thanh	Nxb ĐHSP	2004	30	

50	Bài tập rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên	Phạm Trung Thanh	Nxb Đại học sư phạm	2008	36	
51	Bài tập giáo dục học	Phạm Viết Vượng	Nxb ĐHSP	2008	30	
52	Giáo trình giao tiếp sư phạm	Nguyễn Văn Lũy	Nxb Đại học sư phạm	2015	40	Giao tiếp sư phạm
53	Giao tiếp sư phạm	Nguyễn Văn Lê	Nxb Đại học sư phạm	2006	15	
54	Giao tiếp sư phạm	Nguyễn Thị Thanh Bình	Nxb ĐHSP	2018	10	
55	Tin học đại cương	Phạm Thị Thanh, Đồng Thị Thu, Đào Sỹ Nhiên, Lê Đăng Hiệp, Phùng Thị Thao, Bùi Thị Tuyết, Phạm Xuân Nguyên, Đặng Thị Thu Hà	Nxb Xây dựng	2016	20	Tin học đại cương
56	Microsoft Office Word 2013	IIG Việt Nam	Nxb Tổng hợp TP HCM.	2018	23	
57	Microsoft Office PowerPoint 2013	IIG Việt Nam	Nxb Tổng hợp TP HCM.	2019	23	
58	Microsoft Office Excel 2013	IIG Việt Nam	Nxb Tổng hợp TP HCM.	2019	23	
59	Dân tộc học đại cương	Lê Sĩ Giáo (chủ biên)	Nxb Giáo dục	2009	8	Dân tộc học đại cương
60	Một số vấn đề về dân tộc học Việt Nam	Phan Hữu Dật	Nxb ĐHQGHN	1999	4	
61	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	Nxb Giáo dục	2011	100	Cơ sở văn hóa Việt Nam
62	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Quốc Vượng	Nxb Giáo dục	2010	10	
63	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Đặng Đức Siêu	Nxb ĐHSPHN	2004	47	
64	Xã hội học	Phạm Tất Dong - Lê Ngọc Hùng	Nxb Thế giới Hà Nội.	2008	39	

65	Xã hội học đại cương	Nguyễn Sinh Huy	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.	2006	8	Xã hội học đại cương
66	Nhập môn lịch sử xã hội học	Hermann Korte, Nguyễn Liên Hương (Dịch)	Nxb Thế giới Hà Nội, Hà Nội.	1997	04	
67	Xã hội học văn hoá	Mai Thị Kim Thanh	Nxb Giáo dục	2011	10	
68	Lịch sử văn minh thế giới	Vũ Dương Ninh	Nxb Giáo dục VN	2020	50	Lịch sử văn minh thế giới
69	Lịch sử văn hóa thế giới cổ trung đại	Lương Ninh (Chủ biên)	Nxb Giáo dục VN	2009	4	
70	Các công trình kiến trúc nổi tiếng trong lịch sử thế giới cổ trung đại	Lê Phụng Hoàng, Hà Bích Liên, Trần Hồng Ngọc	Nxb Giáo dục	2001	2	
71	Lịch sử văn minh thế giới	Lê Phụng Hoàng (Chủ biên)	Nxb Giáo dục VN	2008	40	
72	Almanach những nền văn minh thế giới	Hoàng Minh Thảo, Đinh Ngọc Lân....	Nxb Văn hóa thông tin.	1999	5	
73	Nhập môn sử học	Phan Ngọc Liên (Cb)	Nxb ĐHSP Hà Nội	2004	42	Khảo cổ học và nhập môn Lịch sử - Địa lí
74	Khảo cổ học đại cương	Đinh Ngọc Bảo - Phạm Văn Đẩu (Cb)	Nxb ĐHSP Hà Nội	2007	35	
B	Phương pháp luận sử học	Phan Ngọc Liên (Cb)	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội	1999	8	
76	Lịch sử thế giới cổ đại	Lương Ninh (Chủ biên)	NXB Giáo dục Việt Nam	2020	18	Lịch sử thế giới cổ - trung đại
77	Lịch sử thế giới trung đại	Nguyễn Gia Phú (Cb)	Nxb Giáo dục Việt Nam	2013	10	
78	Lịch sử văn minh thế giới	Vũ Dương Ninh	Nxb Giáo dục VN	2020	50	
79	Lịch sử văn hóa thế giới cổ trung đại	Lương Ninh (Chủ biên)	Nxb Giáo dục VN	2009	4	

80	Lịch sử thế giới cổ-trung đại	Nghiêm Đình Vỹ	Nxb Đại học Sư phạm.	2010		
81	Lịch sử thế giới cận đại	Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng	Nxb Giáo dục Việt Nam	2021	20	Lịch sử thế giới cận đại
82	Lịch sử thế giới cận đại (Giáo trình cao đẳng sư phạm)	Phan Ngọc Liên (Cb)	Nxb ĐHSP	2005	46	
83	Lịch sử thế giới cận đại	Phan Ngọc Liên - (Cb), Đào Tuấn Thành, Nguyễn Thị Huyền Sâm	Nxb ĐHSP	2010	20	
84	Lịch sử Nhật Bản	Phan Ngọc Liên (Cb)	Nxb Văn hoá thông tin	1997	4	
85	Lịch sử thế giới hiện đại từ 1917 đến 1995	Nguyễn Anh Thái (Cb)	Nxb Giáo dục Việt Nam	2021	11	Lịch sử thế giới hiện đại
86	Lịch sử thế giới hiện đại (Quyển 1	Đỗ Thanh Bình (Cb) Nguyễn Công Khanh, Ngô Minh Oanh, Đặng Thanh Toán,	Nxb Đại học sư phạm	2007	10	
87	Lịch sử thế giới hiện đại (Quyển 2)	Trần Thị Vinh	NXB Đại học sư phạm	2006	10	
88	Lịch sử phong trào giải phóng dân tộc Á, Phi, Mĩ Latinh - Một cách tiếp cận mới	Đỗ Thanh Bình	Nxb Đại học sư phạm	2006	20	
89	Lược sử Đông Nam Á	Phan Ngọc Liên (cb)	Nxb Giáo dục	1999	9	
90	Lịch sử quan hệ quốc tế,	Vũ Dương Ninh (Chủ biên)	Nxb ĐHSP	2017	10	
91	Đại cương lịch sử Việt Nam (toàn tập)	Trương Hữu Quýnh, Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn	Nxb Giáo dục Việt Nam	2015	30	Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại
92	Đại cương lịch sử Việt Nam (tập 1)	Trương Hữu Quýnh, Phan Đại Doãn	Nxb Giáo dục Việt Nam	2021	20	

93	Vương quốc Chăm-pa	Lương Ninh	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội	2006	4	
94	Đất nước Việt Nam qua các đời	Đào Duy Anh,	Nxb Văn hóa thông tin	2005	4	
95	Tìm về cội nguồn (tập 2),	Phan Huy Lê	Nxb Thế giới	1999	2	
96	Đại cương lịch sử Việt Nam (tập 2)	Trương Hữu Quýnh, Phan Đại Doãn	Nxb Giáo dục Việt Nam	2021	20	Lịch sử Việt Nam cận đại
97	Hiểu thêm lịch sử qua các hồi ký, ký sự tùy bút	Nguyễn Văn Hoa – Phạm Hồng Việt	Nxb Giáo dục	1997	1	
98	Từ điển nhân vật lịch sử	Nguyễn Quang Thắng – Nguyễn Bá Thế	Nxb Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	2006	5	
99	Đại cương Lịch sử Việt Nam, tập 3.	Lê Mậu Hãn (Chủ biên)	Nxb Giáo dục Việt Nam	2021	20	Lịch sử Việt Nam hiện đại
100	Tiến trình lịch sử Việt Nam	Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên)	Nxb Giáo dục Việt Nam	2011	96	
101	Giáo trình Lịch sử Việt Nam 1945 – 1975	Trần Bá Đệ (CB)	Nxb ĐHSP	2007	03	
102	Đại cương lịch sử Việt Nam (toàn tập)	Trương Hữu Quýnh, Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn	Nxb Giáo dục Việt Nam	2015	30	
103	Các nền văn minh trên đất nước Việt Nam	Trương Hữu Quýnh (CB), PTS Đào Tố Uyên,	Nxb Giáo dục	1998	33	Các nền văn minh trên đất nước Việt Nam
104	Vương quốc Chăm-pa	Lương Ninh	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2006	15	
105	Đất nước Việt Nam qua các đời	Đào Duy Anh,	NXB Văn hóa thông tin	2005	4	
106	Đại cương lịch sử Việt Nam (toàn tập)	Trương Hữu Quýnh, Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn	Nxb Giáo dục Việt Nam	2015	30	

107	Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại (1945 - 2000)	Trần Nam Tiến (chủ biên)	Nxb Giáo Dục	2008	05	Quan hệ quốc tế từ 1945 đến nay
108	Lịch sử quan hệ quốc tế	Vũ Dương Ninh (chủ biên)	Nxb ĐHSP	2010	20	
109	Lịch sử thế giới cận đại	Phan Ngọc Liên (cb)	Nxb ĐHSP	2011	20	
110	Lịch sử thế giới hiện đại 1917 – 1995	. Nguyễn Anh Thái (Cb)	Nxb Giáo dục Việt Nam	2021	11	
111	Một số chuyên đề lịch sử Việt Nam	Trần Bá Đệ (Cb)	Nxb ĐHQG Hà Nội	2009	1	Cải cách, duy tân, đổi mới trong lịch sử Việt Nam
112	Mười cuộc cải cách, đổi mới lớn trong lịch sử Việt Nam	Văn Tạo	Nxb ĐHSP Hà Nội	2006	32	
113	Đại cương lịch sử Việt Nam (tập 1)	Trương Hữu Quýnh, Phan Đại Doãn	Nxb Giáo dục Việt Nam	2021	20	
114	Đại cương lịch sử Việt Nam (tập 2)	Trương Hữu Quýnh, Phan Đại Doãn	Nxb Giáo dục Việt Nam	2021	20	
115	Đại cương Lịch sử Việt Nam, tập 3.	Lê Mậu Hãn (Chủ biên)	Nxb Giáo dục Việt Nam	2021	20	
116	Một số chuyên đề lịch sử cổ trung đại Việt Nam (tập 2)	Nguyễn Cảnh Minh (Cb)	Nxb ĐHSP	2013	80	Làng xã Việt Nam
117	Một số vấn đề về làng xã Việt Nam	Nguyễn Ngọc Quang	Nxb ĐHQG Hà Nội	2009	1	
118	Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc bộ	Nguyễn Từ Chi	Nxb Hội Nhà văn	2019	1	
119	Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm	Trần Quốc Vượng	Nxb Văn học	2003	6	
120	Văn hóa làng trong quá trình đô thị hóa ở đồng bằng sông Hồng hiện nay	Phạm Quỳnh Chinh	Nxb ĐHQG Hà Nội	2021	2	
121	Văn hóa truyền thống ngoại thành	Trần Đức Ngôn (cb)	Nxb Hà Nội	2005	8	

	Hà Nội dưới tác động của kinh tế thị trường					
122	Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam	Võ Nguyên Giáp (Cb)	Nxb Chính trị Quốc gia	2017	1	Hồ Chí Minh với cách mạng Việt Nam
123	Hồ Chí Minh trong tiến trình lịch sử dân tộc	Phan Ngọc Liên	Nxb Giáo dục	2000		
124	Một số chuyên đề về lịch sử Việt Nam (Tập bài giảng)	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội	1997	1	
125	Lịch sử phong trào giải phóng dân tộc trong thế kỷ XX - một cách tiếp cận mới	Đỗ Thanh Bình	Nxb ĐHSP	2010	20	Phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX
126	Lịch sử thế giới cận đại	Vũ Dương Ninh, Nguyễn Văn Hồng	Nxb Giáo dục Việt Nam	2021	20	
127	Lịch sử thế giới hiện đại (Quyển 1)	Đỗ Thanh Bình (Cb)	Nxb ĐHSP	2008	10	
128	Lịch sử thế giới hiện đại (Quyển 2)	Trần Thị Vinh (Cb)	Nxb ĐHSP	2016	10	
129	Bản đồ học đại cương	Lâm Quang Dốc (Cb)	Nxb ĐHSP Hà Nội	2010	20	Bản đồ học
130	Bản đồ học	Lê Huỳnh, Lâm Quang Dốc, Phùng Ngọc Đĩnh	Nxb Giáo dục.	2002		
131	Dân số học đại cương	Nguyễn Minh Tuệ - Nguyễn Văn Lê	Nxb ĐH Quốc gia	1997	10	Dân số học
132	Giáo trình giáo dục dân số - môi trường và giảng dạy địa lí địa phương	Lê Huỳnh (CB)	Nxb ĐH Đại học sư phạm	2005	47	
133	Dân số học	Tổng Văn Đường	Nxb Giáo dục	1997	29	
134	Địa chất đại cương và địa chất lịch sử (Giáo trình cao đẳng SP)	Phùng Ngọc Đĩnh	Nxb ĐHSP	2004	54	Địa chất

135	Địa chất đại cương	Phùng Ngọc Đình	Nxb Đại học quốc gia HN	1997	2	
136	Giáo trình địa chất cơ sở, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	Tổng Duy Thanh (CB)	Nxb Đại học quốc gia HN	2008	15	
137	Cơ sở khoa học môi trường	Lưu Đức Hải	Nxb ĐHQGHN	2001	7	Giáo dục môi trường
138	Môi trường và con người	Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loa	Nxb GDVN	2011	10	
139	Khoa học môi trường	Lê Văn Khoa	Nxb GDVN	2012	20	
140	Môi trường và phát triển bền vững	Lê Văn Khoa (Chủ biên)	Nxb GDVN	2013	10	
141	Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm môn lịch sử	Nguyễn Thị Côi (Chủ biên)	Nxb ĐHSP	2016	20	THSP thường xuyên 1
142	Sách giáo khoa, SGK LS- ĐL THCS	Bộ Giáo dục &Đào tạo				
143	Phương pháp dạy học Lịch sử, tập 2	Phan Ngọc Liên (Chủ biên)	Nxb ĐHSP	2017	10	
144	Giáo trình các hình thức tổ chức và nội dung dạy học lịch sử ở trường THCS	Nguyễn Thị Côi (Chủ biên)	Nxb ĐHSP	2007	20	
145	Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông	Nguyễn Thị Côi	Nxb ĐHSP	2007	10	
146	Giáo trình lí luận dạy học địa lí	Đặng Văn Đức (Chủ biên)	Nxb ĐHSP	2007		
147	Rèn luyện kỹ năng địa lí cho học sinh trường phổ thông	Mai Xuân San	Nxb Giáo dục	1998		
148	Bồi dưỡng năng lực môn địa lí trung học phổ thông theo chủ đề	Lê Thông, Nguyễn Minh Tuệ, Phan Đức Sơn (CB)	Nxb Đại học Sư phạm	2017		

149	Hướng dẫn dạy học môn Địa lí trung học phổ thông theo chương trình giáo dục phổ thông mới	Lê Thông (CB)	Nxb Đại học Sư phạm	2019		THSP thường xuyên 2
150	Trắc nghiệm khách quan và vấn đề đánh giá trong giảng dạy địa lý	Nguyễn Trọng Phúc	Nxb Đại học quốc gia Hà Nội	2008		
151	Dạy học phát triển năng lực môn địa lí trung học phổ thông	Lê Thông, Nguyễn Minh Tuệ (CB)	Nxb Đại học Sư phạm	2018		
152	Sách giáo khoa, SGK LS- ĐL THCS	Bộ Giáo dục &Đào tạo				
153	Địa lý tự nhiên đại cương 1,2	Nguyễn Trọng Hiếu (Chủ biên)	Nxb ĐHSP	2010	10	Địa lí tự nhiên đại cương
154	Địa lý tự nhiên đại cương 1 (Giáo trình cao đẳng SP)	Nguyễn Trọng Hiếu (Chủ biên)	Nxb ĐHSP	2004	53	
155	Địa lý tự nhiên đại cương 2 (Giáo trình cao đẳng SP)	Hoàng Ngọc Anh (Chủ biên)	Nxb ĐHSP	2003	6	
156	Thiên văn phổ thông	Phạm Viết Trinh	Nxb Giáo dục	1998	19	
157	Địa lý tự nhiên đại cương 2 (Giáo trình cao đẳng SP)	Hoàng Ngọc Anh (Chủ biên)	Nxb ĐHSP	2003	6	
158	Địa lý tự nhiên đại cương 3	Nguyễn Kim Cương (Chủ biên)	Nxb ĐHSP	2004	54	
159	Thiên văn phổ thông	Phạm Viết Trinh	Nxb Giáo dục	1998	19	
160	Thiên nhiên Việt Nam	Lê Bá Thảo	Nxb Giáo dục	2001	5	Địa lí kinh tế - xã hội đại cương
161	Địa lý kinh tế xã hội đại cương	Nguyễn Minh Tuệ (Cb), Nguyễn Viết Thịnh, Lê Thông	Nxb ĐHSP	2005	15	
162	Tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững,	Lê Huy Bá (Cb)	Nxb Khoa học và kỹ thuật	2006		
163	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương	Phạm Hữu Khả	Nxb ĐHQG	2002		

			TP. Hồ Chí Minh			
164	Sự phát triển của khoa học địa lý trong thế kỷ XX	Vũ Tự Lập	Nxb Giáo dục Việt Nam.	2004		
165	Địa lý các châu lục Tập 2 (Giáo trình cao đẳng SP)	Nguyễn Phi Hạnh, Ông Thị Đan Thanh, Nguyễn Đình Giang	Nxb ĐHSP	2007	44	Địa lý các châu lục 1
166	Dân tộc học đại cương	Lê Sỹ Giáo (Cb)	Nxb GD	2009	10	
167	Địa lý các châu lục (Tập 2)	Nguyễn Phi Hạnh (Chủ biên)	Nxb ĐHSP	2009	10	Địa lý các châu lục 2
168	Dân tộc học đại cương	Lê Sĩ Giáo (Cb)	Nxb GD	2009	10	
169	Châu Phi, châu Úc những điều có thể bạn chưa biết	Bùi Văn Định	Nxb ĐHSP	2008	20	
170	Địa lý tự nhiên Việt Nam	Vũ Tự Lập	Nxb GD	1999	4	Địa lý tự nhiên Việt Nam
171	Địa lý tự nhiên Việt Nam	Vũ Tự Lập	Nxb Đại học Sư phạm	2008	10	
172	Địa lý tự nhiên Việt Nam	Đặng Duy Lợi, Nguyễn Thục Nhu	Nxb GD	1999	28	
173	Giáo trình biến đổi khí hậu	Đặng Duy Lợi	Nxb ĐHSP	2016	20	
174	Địa lý tự nhiên biển Đông	Nguyễn Văn Âu	Nxb ĐHQG Hà Nội	2008	15	Địa lí biển Đông Việt Nam
175	Các tài liệu tập huấn, bồi dưỡng tuyên truyền về luật biển và chủ quyền biển đảo Việt Nam.					
176	Thực hành ngoài trời các thành phần tự nhiên	Phùng Ngọc Đĩnh	Nxb Giáo dục Việt Nam	1998	19	Thực địa
177	Thực hành địa chất	Phùng Ngọc Đĩnh (CB)	Nxb Đại học Quốc gia.	1996	10	
178	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam	Lê Thông (Chủ biên)	Nxb Đại học Sư phạm	2016	10	

179	Non nước Việt Nam	Vũ Thế Bình	Nxb Văn hóa thông tin	2011	15	
180	Lịch sử địa phương	Nguyễn Cảnh Minh (Cb)	Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội	2010	20	Lịch sử và Địa lí địa phương
181	Giáo trình phương pháp nghiên cứu và biên soạn lịch sử địa phương	Nguyễn Cảnh Minh (Cb)	Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội	2008	70	
182	Tập bài giảng Lịch sử địa phương	Đinh Văn Viễn, Lê Thị Huệ, Lương Duy Quyền	Đại học Hoa Lư	2012	11	
183	Địa chí Ninh Bình	Tỉnh ủy Ninh Bình	Nxb Chính trị Quốc gia	2010	Viễn có	
184	Địa lý địa phương trong trường phổ thông	Lâm Quang Dốc	Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội	2014	10	
185	Địa lý địa phương	Lê Huỳnh, Nguyễn Minh Tuệ	Nxb Giáo dục	1999	42	
186	Tiến trình lịch sử Việt Nam	Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên)	Nxb Giáo dục Việt Nam	2011	96	Thực tế chuyên môn
187	Bảo tàng lịch sử, cách mạng trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông trung học	Nguyễn Thị Côi	Nxb Đại học quốc gia	1998	9	
188	Bảo tàng, di tích - Nơi khơi nguồn cảm hứng dạy và học lịch sử cho học sinh phổ thông,	Nguyễn Thị Kim Thành (Cb)	Nxb Giáo dục	2014	5	
189	Phương pháp dạy học Lịch sử, Tập 2	Phan Ngọc Liên (Cb)	Nxb Đại học Sư phạm	2017	10	
190	Đổi mới và ứng dụng công nghệ thông tin dạy và học trong nhà trường	Minh Huệ	Nxb ĐHQG Hà Nội	2012		Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử - Địa lí
191	Dạy học phát triển năng lực môn Địa lí bậc Trung học cơ sở	Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông	Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội	2020	Chờ biên mục	

192	Dạy học phát triển năng lực môn Lịch sử bậc Trung học cơ sở	Nghiêm Đình Vỹ (tổng cb)	Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội	2018	20	
193	Giáo trình một số vấn đề về nghiên cứu khoa học giáo dục và đào tạo	Nguyễn Thị Xuân Thanh (Cb)	Nxb Hà Nội	2006	9	
194	Giáo trình Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm môn Lịch sử	Nguyễn Thị Côi (Cb)	Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội	2011	20	
195	Hướng dẫn sử dụng những hình ảnh về Chủ tịch Hồ Chí Minh trên CD và phần mềm Power point trong dạy học lịch sử	Nguyễn Thị Côi (Cb)	Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội	2006	10	
196	Sử dụng phần mềm Mapinfo	Lương Thị Thành Vinh	Nxb Đại học Vinh	2019	Thư viện liên kết ĐH Vinh	
197	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Phạm Viết Vượng	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội	2001	4	Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Lịch sử - Địa lí
198	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Phạm Viết Vượng	Nxb Giáo dục	1998	23	
199	Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	Nxb Giáo dục Việt Nam	2014	81	
200	Giáo trình phương pháp nghiên cứu và biên soạn lịch sử địa phương	Nguyễn Cảnh Minh (Cb)	Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội	2008	70	
201	Phương pháp luận sử học	Phan Ngọc Liên (Cb)	Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội	1999	08	
202	Thiết kế các mô đun khai thác nội dung giáo dục môi trường trong sách giáo khoa địa lí bậc trung học	Đặng Văn Đức (cb)	Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội	2004	25	

203	Nghiên cứu địa lý học lịch sử Việt Nam	Đào Duy Anh (Cb)	Nxb Văn hóa Thông tin	2005	04	
204	Dạy học phát triển năng lực môn Lịch sử THCS	Nghiêm Đình Vỹ, (Tổng Cb)	Nxb Đại học Sư phạm	2018	20	Dạy học phát triển năng lực môn Lịch sử và Địa lí ở THCS
205	Phương pháp dạy học Lịch sử, Tập 1,2	Phan Ngọc Liên (Cb)	Nxb Đại học Sư phạm	2017	10	
206	Lí luận dạy học địa lí	Nguyễn Dực, Nguyễn Trọng Phúc	Nxb Đại học Sư phạm	2017	9	
207	Dạy học phát triển năng lực môn Địa lí trung học cơ sở	Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông (C.b)	Nxb Đại học Sư phạm	2020	20	
208	Hướng dẫn dạy học môn Lịch sử và Địa lí THCS theo chương trình giáo dục phổ thông mới	Phạm Hồng Tung, (Cb)	Nxb Đại học Sư phạm	2019	5	
209	Sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí THCS	Bộ Giáo dục - Đào tạo	Nxb Giáo dục Việt Nam; Nxb Đại học Sư phạm			
210	Dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh	Trần Thị Thanh Thủy	Nxb Đại học Sư phạm	2018	10	
211	Dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh, Quyển 2	Trần Thị Thanh Thủy	Nxb Đại học Sư phạm	2018	10	Dạy học tích hợp môn Lịch sử và Địa lí ở THCS
212	Tài liệu tập huấn dạy học tích hợp ở trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Nxb Đại học Sư phạm.	(2015	40	
213	Phương pháp dạy học Lịch sử, Tập 2	Phan Ngọc Liên (Cb)	Nxb Đại học Sư phạm	2017	10	
214	Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể,	Bộ GD&ĐT		2018		
215	Dạy học phát triển năng lực môn Địa lí trung học cơ sở	Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông (C.b)	Nxb Đại học Sư phạm	2020	20	

216	Dạy học phát triển năng lực môn Lịch sử THCS	Nghiêm Đình Vỹ, (Tổng Cb)	Nxb Đại học Sư phạm	2018	20	
217	Sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí THCS	Bộ Giáo dục - Đào tạo	Nxb Giáo dục Việt Nam; Nxb Đại học Sư phạm			
218	Giáo trình kiểm tra đánh giá trong giáo dục	Nguyễn Công Khanh, Đào Thị Oanh	Nxb Đại học Sư phạm	2019	20	
219	Đánh giá năng lực, phẩm chất học sinh	Trịnh Thúy Giang, Nguyễn Thị Thanh Hồng, Nguyễn Nam Phương, Nguyễn Đức Sơn, Nguyễn Thị Thanh Trà, Trần Bá Trình	Nxb Đại học Sư phạm	2021	10	Kiểm tra - đánh giá trong dạy học Lịch sử - Địa lí
220	Phương pháp dạy học Lịch sử, Tập 2	Phan Ngọc Liên (Cb)	Nxb Đại học Sư phạm	2017	10	
221	Dạy học phát triển năng lực môn Địa lí trung học cơ sở	Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông (C.b)	Nxb Đại học Sư phạm	2020	20	
222	Dạy học phát triển năng lực môn Lịch sử THCS	Nghiêm Đình Vỹ, (Tổng Cb)	Nxb Đại học Sư phạm	2018	20	
223	Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể,	Bộ GD&ĐT		2018		
224	Sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí THCS	Bộ Giáo dục - Đào tạo	Nxb Giáo dục Việt Nam; Nxb Đại học Sư phạm			
225	Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông	Nguyễn Thị Liên (Chủ biên)	Nxb Giáo dục Việt Nam	2017	1	Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử - Địa lí
226	Phương pháp dạy học Lịch sử, tập 2	Phan Ngọc Liên (Chủ biên)	Nxb ĐHSP	2017	10	
227	Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm môn Lịch sử	Nguyễn Thị Côi (Cb),	Nxb ĐHSP	2011	20	

		Trịnh Đình Tùng, Trần Viết Thụ				
228	Tổ chức dạy học trải nghiệm trong môn Lịch sử và Địa lí THCS, phần Địa lí	Nguyễn Thị Hải Yên(Cb)	Nxb Dân trí.	2022	20	
229	Tổ chức dạy học trải nghiệm trong môn Lịch sử và Địa lí THCS, phần Lịch sử	Nguyễn Thị Thanh Thúy (Cb)	Nxb Dân trí.	2022	20	
230	Phương pháp dạy học Lịch sử, tập 2	Phan Ngọc Liên (Chủ biên)	Nxb ĐHSP	2017	10	
231	Sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí THCS	Bộ Giáo dục - Đào tạo	Nxb Giáo dục Việt Nam; Nxb Đại học Sư phạm			
232	Giáo trình Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm môn Lịch sử	Nguyễn Thị Côi (Chủ biên)	Nxb ĐHSP	2011	20	
233	Phương pháp dạy học Lịch sử, tập 1, 2	Phan Ngọc Liên (Chủ biên)	Nxb ĐHSP	2017	10	Lí luận và Phương pháp dạy học Lịch sử
234	Phương pháp dạy học lịch sử	Phan Ngọc Liên - Trần Văn Trị...	Nxb GD	1998	10	
235	Hệ thống PPDHLS ở trường THCS	Trịnh Đình Tùng (Chủ biên)	Nxb ĐHSP	2005	48	
236	Giáo trình các hình thức dạy học lịch sử ở trường THCS	Nguyễn Thị Côi (Chủ biên)	Nxb ĐHSP	2007	49	
237	Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông	Nguyễn Thị Côi	Nxb ĐHSP	2016	10	
238	Sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí THCS	Bộ Giáo dục - Đào tạo	Nxb Giáo dục Việt Nam; Nxb Đại học Sư phạm			

239	Lý luận và phương pháp dạy học địa lí	Nguyễn Dục, Nguyễn Trọng Phúc, Đặng Văn Đức	Nxb ĐHSP Hà Nội	2012	10	Lý luận và Phương pháp dạy học Địa lí
240	Thiết kế bài giảng địa lý ở trường phổ thông	Nguyễn Trọng Phúc	Nxb ĐHSP	2008	15	
241	Tập bài giảng Đô thị: Lịch sử và hiện tại		Đại học Hoa Lư			Đô thị: Lịch sử và hiện tại
242	Lịch sử thế giới cổ đại	Lương Ninh (Cb)		2020	19	
243	Lịch sử văn hóa thế giới cổ - trung đại	Lương Ninh (Cb)	Nxb Giáo dục	2009	9	
244	Lịch sử thế giới trung đại	Nguyễn Gia Phú, Nguyễn Văn Ánh, Đỗ Đình Hằng, Trần Văn La	Nxb Giáo dục Việt Nam	2013	9	
245	Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến ngày nay	Nguyễn Đình Lễ (Cb)	Nxb Khoa học Xã hội	1998	4	
246	Lịch sử thế giới cận đại	Phan Ngọc Liên (Cb)	Nxb ĐHSP Hà Nội	2011	19	
247	Văn hóa làng trong quá trình đô thị hóa ở đồng bằng sông Hồng hiện nay	Phạm Quỳnh Chỉnh	Nxb ĐHQG Hà Nội	2021	5	
248	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam	Lê Thông (Chủ biên)	Nxb ĐHSP	2016	10	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam
249	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam	Lê Thông (Chủ biên)	Nxb ĐHSP	2007	8	
250	Tìm hiểu địa lý kinh tế Việt Nam (Để giảng dạy trong nhà trường)	Phan Huy Xu, Mai Phú Thanh	Nxb GDVN	2000	8	
251	Địa lý nông - lâm - thủy sản Việt Nam	Nguyễn Minh Tuệ, Lê Thông (Đồng Cb)	Nxb ĐHSP	2013	10	
252	Phương pháp dạy học Lịch sử, tập 1, 2	Phan Ngọc Liên (Chủ biên)	Nxb ĐHSP	2017	10	Thực tập sư phạm 1
253	Giáo trình các hình thức dạy học lịch sử ở trường THCS	Nguyễn Thị Côi (Chủ biên)	Nxb ĐHSP	2007	49	
254	Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học	Nguyễn Thị Côi	Nxb ĐHSP	2016	10	

	lịch sử ở trường phổ thông					
255	Lý luận và phương pháp dạy học địa lí	Đặng Văn Đức (Cb)	Nxb ĐHSP Hà Nội	2007	50	
256	Hệ thống PPDHLS ở trường THCS	Trịnh Đình Tùng (Chủ biên)	Nxb ĐHSP	2005	48	
257	Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm môn lịch sử	Nguyễn Thị Côi (Chủ biên)	ĐHSP	2016	20	
258	Bộ Giáo dục & Đào tạo: SGK, SGV Lịch sử và Địa lí THCS; Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và các tài liệu khác					
259	Phương pháp dạy học Lịch sử, tập 1, 2	Phan Ngọc Liên (Chủ biên)	Nxb ĐHSP	2017	10	Thực tập sư phạm 2
260	Giáo trình các hình thức dạy học lịch sử ở trường THCS	Nguyễn Thị Côi (Chủ biên)	Nxb ĐHSP	2007	49	
261	Các con đường, biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học lịch sử ở trường phổ thông	Nguyễn Thị Côi	Nxb ĐHSP	2016	10	
262	Lý luận và phương pháp dạy học địa lí	Đặng Văn Đức (Cb)	Nxb ĐHSP Hà Nội	2007	50	
263	Hệ thống PPDHLS ở trường THCS	Trịnh Đình Tùng (Chủ biên)	Nxb ĐHSP	2005	48	
264	Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm môn lịch sử	Nguyễn Thị Côi (Chủ biên)	ĐHSP	2016	20	
265	Bộ Giáo dục & Đào tạo: SGK, SGV Lịch sử và Địa lí THCS; Tài liệu tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và các tài liệu khác					